



**HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

HỎI - ĐÁP

LUẬT XỬ LÝ

VI PHẠM HÀNH CHÍNH

NĂM 2012



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỎI - ĐÁP

LUẬT XỬ LÝ

VI PHẠM HÀNH CHÍNH

NĂM 2012

LG. TRƯỞNG HỒNG QUANG
(Chủ biên)

HỎI - ĐÁP
LUẬT XỬ LÝ
VI PHẠM HÀNH CHÍNH
NĂM 2012

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA – SỰ THẬT
Hà Nội – 2014

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Xử lý vi phạm hành chính nói chung và xử phạt vi phạm hành chính nói riêng là công cụ quan trọng trong hoạt động quản lý nhà nước nhằm duy trì trật tự, kỷ cương trong quản lý hành chính của Nhà nước. Đây cũng là vấn đề trực tiếp liên quan đến cuộc sống hằng ngày của nhân dân, tổ chức, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp được Đảng, Nhà nước và toàn thể xã hội hết sức quan tâm.

Lần đầu tiên vào năm 1989, Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính được ban hành. Sau đó, lần lượt các Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 1995 và Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) đã được ban hành, từng bước được hoàn thiện góp phần quan trọng trong công tác phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả đối với các vi phạm hành chính ở nước ta, bảo đảm trật tự quản lý nhà nước, an toàn xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, qua hơn 10 năm thực hiện, Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi,

bổ sung năm 2007, 2008) đã bộc lộ những hạn chế, bất cập đòi hỏi phải khẩn trương nghiên cứu, điều chỉnh, nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của đời sống kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn phát triển mới.

Vì vậy, ngày 20-6-2012, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 3 đã thông qua Luật xử lý vi phạm hành chính (Luật số 15/2012/QH13), Nghị quyết số 24/2012/NQ13 về việc thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính, và ngày 02-7-2012, Chủ tịch nước đã ban hành Lệnh công bố Luật xử lý vi phạm hành chính.

Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có hiệu lực thi hành từ ngày 01-7-2013, trừ các quy định liên quan đến việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính do Tòa án nhân dân xem xét, quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01-01-2014. Luật xử lý vi phạm hành chính được ban hành với mục tiêu nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính nêu trên; góp phần bảo đảm trật tự, kỷ cương quản lý hành chính, an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân; đấu tranh phòng, chống có hiệu quả đối với vi phạm hành chính, tội phạm trong thời kỳ mới; khắc phục tối đa tình trạng thiếu thống nhất và chồng chéo trong hệ thống pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, thuận lợi cho việc thực hiện các nghĩa vụ mà Việt Nam đã cam kết trong

các điều ước quốc tế; đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của đời sống kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn phát triển mới.

Nhằm cung cấp cho đông đảo bạn đọc và đặc biệt là cán bộ, công chức cấp cơ sở nắm được các nội dung chính của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản cuốn sách ***“Hỏi - đáp Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012”***. Cuốn sách do Luật gia Trương Hồng Quang chủ biên và các tác giả đang công tác tại Viện Khoa học Pháp lý (Bộ Tư pháp) biên soạn.

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 11 năm 2013

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

Câu hỏi 1: Những bất cập nào của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) qua hơn 10 năm thực hiện làm nền tảng cho việc xây dựng Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012?

Trả lời:

Qua hơn 10 năm thực hiện, Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính đã bộc lộ những hạn chế, bất cập đòi hỏi phải hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của đời sống kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn phát triển mới. Cụ thể là:

Thứ nhất, mặc dù Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 đã qua 2 lần sửa đổi, bổ sung (2007¹, 2008), nhưng vẫn bộc lộ hạn chế, bất cập thiếu các quy định bảo đảm tính dân chủ, tính khách quan trong việc xem xét, quyết định việc xử phạt, áp dụng các biện pháp xử lý hành chính khác; thủ tục xử phạt chưa bảo đảm tính công khai, các hình thức xử phạt được áp dụng chưa linh hoạt..., làm giảm hiệu quả giữ gìn trật tự, kỷ cương quản lý hành chính của đất nước, an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền,

1. Lần sửa đổi năm 2007 chỉ bỏ biện pháp quản chế hành chính.

lợi ích hợp pháp của công dân, đấu tranh phòng, chống có hiệu quả đối với vi phạm hành chính, tội phạm trong thời kỳ mới.

Thứ hai, trong thời gian qua, một số luật chuyên ngành (như: Luật chứng khoán, Luật quản lý thuế, Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng) đã trực tiếp quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức phạt, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Để góp phần giải quyết cơ bản vấn đề này đòi hỏi phải có sự đổi mới trong việc quy định về thẩm quyền, hình thức và thủ tục xử phạt vi phạm hành chính ở tầm một đạo luật mang tính luật gốc, nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Thứ ba, yêu cầu “thể chế kịp thời, đầy đủ, đúng đắn đường lối của Đảng, cụ thể hoá các quy định của Hiến pháp về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; bảo đảm quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân...” là chủ trương lớn, xuyên suốt trong nhiều nghị quyết của Đảng, đòi hỏi Nhà nước cần phải quy phạm hóa các quyền tự do dân chủ, quyền con người bằng các quy định của một đạo luật.

Thứ tư, Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính lần đầu được ban hành từ năm 1989, lần

thứ hai vào năm 1995 được đổi tên thành Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, lần thứ ba được ban hành vào năm 2002 (pháp lệnh năm 2002 được sửa đổi, bổ sung vào năm 2007, 2008). Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 được ban hành trong bối cảnh nước ta *chưa hội nhập sâu* vào nền kinh tế thế giới; nhiều điều ước quốc tế chúng ta chưa có điều kiện gia nhập. Mặt khác, chúng ta cũng chưa tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, thuận lợi cho việc thực hiện các nghĩa vụ mà Việt Nam đã cam kết trong các điều ước quốc tế như Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em, các công ước quốc tế về quyền con người năm 1966 (Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá; Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị). Hơn nữa, trước đây văn bản xử lý vi phạm hành chính mới dừng lại ở hình thức pháp lệnh.

Những hạn chế, bất cập nêu trên đã đặt ra yêu cầu cần được nâng thành một đạo Luật riêng về xử lý vi phạm hành chính. Sau khi dự án Luật xử lý vi phạm hành chính chính thức được đưa vào các chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XII và XIII, Thủ tướng Chính phủ đã phân công Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo dự án Luật. Ngày 02-6-2008, Bộ Tư pháp đã thành lập Ban soạn thảo dự án Luật gồm đại diện lãnh đạo Bộ Công an, Bộ

Quốc phòng, Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Thanh tra Chính phủ, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Trường Đại học Luật Hà Nội... Xác định được ý nghĩa và tầm quan trọng của Dự án Luật, Chính phủ đã chỉ đạo Ban soạn thảo tiến hành nhiều hoạt động phục vụ cho việc xây dựng Dự án Luật, như tiến hành tổng kết thực tiễn 8 năm thi hành Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính (2002-2010); thành lập các đoàn khảo sát liên ngành khảo sát về tình hình thực tiễn thi hành pháp luật về Xử lý vi phạm hành chính tại một số địa phương ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam; tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học với sự tham gia của các chuyên gia, các nhà khoa học, nhà quản lý, những người hoạt động thực tiễn; xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của dự án Luật; nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm pháp luật nước ngoài liên quan đến xử lý vi phạm hành chính để xây dựng dự án Luật. Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được Quốc hội thông qua ngày 20-6-2012 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01-7-2013.

Câu hỏi 2: Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 bao gồm những nội dung chính nào?

Trả lời:

Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được ban hành với mục tiêu nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính; góp phần bảo đảm trật tự, kỷ cương quản lý hành chính, an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân; đấu tranh phòng, chống có hiệu quả đối với vi phạm hành chính, tội phạm trong thời kỳ mới; khắc phục tối đa tình trạng thiếu thống nhất và chồng chéo trong hệ thống pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, thuận lợi cho việc thực hiện các nghĩa vụ mà Việt Nam đã cam kết trong các điều ước quốc tế; đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của đời sống kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn phát triển mới.

Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 gồm có 6 phần với 12 chương và 142 điều, trong đó Phần thứ nhất về những quy định chung được quy định từ Điều 1 đến Điều 20; Phần thứ hai quy định về xử phạt vi phạm hành chính gồm 3 chương, 68 điều, từ Điều 21 đến Điều 88; Phần thứ ba quy định về các biện pháp xử lý hành

chính gồm 5 chương, 30 điều, từ Điều 89 đến Điều 118; Phần thứ tư quy định về các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính gồm 2 chương, 14 điều từ Điều 119 đến Điều 132; Phần thứ năm là những quy định đối với người chưa thành niên vi phạm hành chính gồm 2 chương, 8 điều, từ Điều 133 đến Điều 140; Phần thứ sáu là phần quy định về điều khoản thi hành.

Câu hỏi 3: Phần Những quy định chung của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được quy định như thế nào?

Trả lời:

Về cơ bản, các quy định trong phần này được xây dựng trên cơ sở kế thừa Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002. Một số quy định mới được nghiên cứu bổ sung như: Nguyên tắc về trách nhiệm chứng minh hành vi vi phạm, nguyên tắc xử lý công khai, nguyên tắc đảm bảo pháp chế trong quá trình xử lý, nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật; giải thích một số thuật ngữ thường được sử dụng trong quá trình áp dụng pháp luật như vi phạm hành chính, tái phạm, vi phạm nhiều lần, tình thế cấp thiết; quy định những hành vi bị nghiêm cấm như can thiệp trái pháp luật vào việc xử lý vi phạm hành chính, sử dụng tiền thu được từ tiền nộp phạt vi phạm

hành chính và các khoản tiền khác thu được từ xử phạt vi phạm hành chính trái quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.

Nội dung mới nổi bật ở phần này là Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã bổ sung một điều quy định về trách nhiệm của Chính phủ trong việc thống nhất quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp là cơ quan giúp Chính phủ trong việc thực hiện công tác này; Tòa án nhân dân, các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thực hiện hoặc phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc thực hiện công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (Điều 17). Quy định này được ban hành để khắc phục những bất cập trong thời gian vừa qua, làm cơ sở pháp lý để theo dõi, kiểm tra, báo cáo, thống kê, xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính.

Câu hỏi 4: Độ tuổi nào thì có thể bị xử phạt vi phạm hành chính? Việc lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính đối với một người 15 tuổi cố ý vi phạm hành chính có đúng theo quy định của pháp luật không?

Trả lời:

Điểm a, khoản 1, Điều 5 Luật xử lý vi phạm

hành chính năm 2012 quy định về độ tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính như sau:

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính về vi phạm hành chính do cố ý;

- Người từ đủ 16 tuổi trở lên bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi vi phạm hành chính.

Như vậy, việc một người ở độ tuổi 15 có hành vi cố ý vi phạm hành chính hoàn toàn có thể bị xử phạt vi phạm hành chính.

Câu hỏi 5: Những người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân khi vi phạm hành chính thì bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

Về cơ bản, theo quy định của điểm a, khoản 1, Điều 5 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân vi phạm hành chính thì bị xử lý như đối với công dân khác. Tuy nhiên, trường hợp cần áp dụng hình thức phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn liên quan đến quốc phòng, an ninh thì người xử phạt đề nghị cơ quan, đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân có thẩm quyền xử lý.

Câu hỏi 6: Khi nào tổ chức, cá nhân nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật Việt Nam? Các biện pháp xử lý hành chính có áp dụng đối với người nước ngoài hay không?

Trả lời:

Theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 5 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì, cá nhân, tổ chức nước ngoài vi phạm hành chính trong phạm vi lãnh thổ, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trên tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác. Tại khoản 2, Điều 5, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính là cá nhân được quy định tại các Điều 90, 92, 94 và 96 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và các biện pháp xử lý hành chính không áp dụng đối với người nước ngoài.

Câu hỏi 7: Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được quy định như thế nào?

Trả lời:

1. Điểm a, khoản 1, Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính như sau:

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm, trừ các trường hợp sau:

Vi phạm hành chính về kế toán; thủ tục thuế; phí, lệ phí; kinh doanh bảo hiểm; quản lý giá; chứng khoán; sở hữu trí tuệ; xây dựng; bảo vệ nguồn lợi thủy sản, hải sản; quản lý rừng, lâm sản; điều tra, quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước; thăm dò, khai thác dầu khí và các loại khoáng sản khác; bảo vệ môi trường; năng lượng nguyên tử; quản lý, phát triển nhà và công sở; đất đai; đê điều; báo chí; xuất bản; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh hàng hóa; sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả; quản lý lao động ngoài nước thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm.

Vi phạm hành chính là hành vi trốn thuế, gian lận thuế, nộp chậm tiền thuế, khai thiếu nghĩa vụ thuế thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về thuế.

b) Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được quy định như sau:

Đối với vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm.

Đối với vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm;

c) Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển đến thì thời hiệu được áp dụng theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Thời gian cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý, xem xét được tính vào thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

d) Trong thời hạn được quy định tại điểm a và điểm b khoản này mà cá nhân, tổ chức cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

2. Thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính được quy định như sau:

a) Thời hiệu áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn là 01 năm, kể từ ngày cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 90 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; 06 tháng, kể từ ngày cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 90 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 hoặc kể từ ngày cá nhân thực hiện lần cuối

một trong những hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 90 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; 03 tháng, kể từ ngày cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 90 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

b) Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng là 01 năm, kể từ ngày cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 92 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; 06 tháng, kể từ ngày cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 hoặc kể từ ngày cá nhân thực hiện lần cuối một trong những hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 92 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

c) Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc là 01 năm, kể từ ngày cá nhân thực hiện lần cuối một trong các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 94 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

d) Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 03 tháng, kể từ ngày cá nhân thực hiện lần cuối hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Câu hỏi 8: Một hộ kinh doanh sản xuất cách đây 6 tháng đã bị xử phạt cảnh cáo của Ủy ban nhân dân xã về vi phạm hành chính. Theo quy định của pháp luật, trong thời hạn bao lâu hộ kinh doanh này sẽ được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1, Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt cảnh cáo hoặc 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính khác hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà không tái phạm thì được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Như vậy, trong trường hợp trên, nếu trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt cảnh cáo mà không tái phạm thì hộ kinh doanh được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Ngoài ra, tại khoản 2, Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 cũng quy định thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính đối với các cá nhân bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Theo đó, nếu trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định áp dụng

biện pháp xử lý hành chính hoặc 01 năm kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính mà không tái phạm thì được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Câu hỏi 9: Theo quy định của pháp luật, cách tính thời gian, thời hạn, thời hiệu trong xử lý vi phạm hành chính được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Cách tính thời gian, thời hạn, thời hiệu trong xử lý vi phạm hành chính được quy định tại Điều 8 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Theo đó, cách tính thời hạn, thời hiệu trong xử lý vi phạm hành chính được áp dụng theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005, trừ trường hợp trong Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có quy định cụ thể thời gian theo ngày làm việc. Thời gian ban đêm được tính từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau.

Về *thời hạn*, theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005, thời hạn là một khoảng thời gian được xác định từ thời điểm này đến thời điểm khác. Thời hạn có thể được xác định bằng phút, giờ, ngày, tuần, tháng, năm hoặc bằng một sự kiện có thể sẽ xảy ra. Thời hạn được tính theo

dương lịch. Điều 151, Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về thời hạn, thời điểm tính thời hạn như sau:

- Trong trường hợp các bên có thoả thuận về thời hạn là một năm, nửa năm, một tháng, nửa tháng, một tuần, một ngày, một giờ, một phút mà khoảng thời gian diễn ra không liền nhau thì thời hạn đó được tính như sau:

- a) Một năm là ba trăm sáu mươi lăm ngày;
- b) Nửa năm là sáu tháng;
- c) Một tháng là ba mươi ngày;
- d) Nửa tháng là mười lăm ngày;
- đ) Một tuần là bảy ngày;
- e) Một ngày là hai mươi tư giờ;
- g) Một giờ là sáu mươi phút;
- h) Một phút là sáu mươi giây.

- Trong trường hợp các bên thoả thuận về thời điểm đầu tháng, giữa tháng, cuối tháng thì thời điểm đó được quy định như sau:

- a) Đầu tháng là ngày đầu tiên của tháng;
- b) Giữa tháng là ngày thứ mười lăm của tháng;
- c) Cuối tháng là ngày cuối cùng của tháng.

- Trong trường hợp các bên thoả thuận về thời điểm đầu năm, giữa năm, cuối năm thì thời điểm đó được quy định như sau:

- a) Đầu năm là ngày đầu tiên của tháng một;
- b) Giữa năm là ngày cuối cùng của tháng sáu;

c) Cuối năm là ngày cuối cùng của tháng mười hai.

Về *thời hiệu*, theo quy định tại Điều 154, 155, 156 Bộ luật dân sự năm 2005, thời hiệu là thời hạn do pháp luật quy định mà khi kết thúc thời hạn đó thì chủ thể được hưởng quyền dân sự, được miễn trừ nghĩa vụ dân sự hoặc mất quyền khởi kiện vụ án dân sự, quyền yêu cầu giải quyết việc dân sự. Thời hiệu được tính từ thời điểm bắt đầu ngày đầu tiên của thời hiệu và chấm dứt tại thời điểm kết thúc ngày cuối cùng của thời hiệu. Có các loại thời hiệu như sau:

- Thời hiệu hưởng quyền dân sự là thời hạn mà khi kết thúc thời hạn đó thì chủ thể được hưởng quyền dân sự.

- Thời hiệu miễn trừ nghĩa vụ dân sự là thời hạn mà khi kết thúc thời hạn đó thì người có nghĩa vụ dân sự được miễn việc thực hiện nghĩa vụ.

- Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện.

- Thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự là thời hạn mà chủ thể được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền yêu cầu.

Câu hỏi 10: Một người gây ra tai nạn giao thông nhưng do sợ hãi đã không dừng lại, bỏ trốn và không trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn. Sau đó, người này tự giác đến cơ quan Công an khai báo, tự nguyện khắc phục hậu quả và bồi thường mọi chi phí có liên quan. Trong trường hợp này, khi xem xét xử phạt vi phạm hành chính, việc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho nạn nhân có được coi là tình tiết giảm nhẹ hay không?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 9 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, các tình tiết giảm nhẹ khi xem xét xử phạt vi phạm hành chính bao gồm:

- Người vi phạm hành chính đã có hành vi ngăn chặn, làm giảm bớt hậu quả của vi phạm hoặc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại;

- Người vi phạm hành chính đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi; tích cực giúp đỡ cơ quan chức năng phát hiện vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính;

- Vi phạm hành chính trong tình trạng bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra; vượt quá giới hạn

phòng vệ chính đáng; vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết;

- Vi phạm hành chính do bị ép buộc hoặc bị lệ thuộc về vật chất hoặc tinh thần;

- Người vi phạm hành chính là phụ nữ mang thai, người già yếu, người có bệnh hoặc khuyết tật làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;

- Vi phạm hành chính vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không do mình gây ra;

- Vi phạm hành chính do trình độ lạc hậu;

- Những tình tiết giảm nhẹ khác do Chính phủ quy định.

Đối chiếu với quy định trên, việc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho nạn nhân trong trường hợp được nêu sẽ được coi là tình tiết giảm nhẹ khi xem xét xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm do người đó gây ra.

Câu hỏi 11: Các tình tiết tăng nặng theo Luật xử lý vi phạm hành chính là những tình tiết nào?

Trả lời:

Khoản 1, Điều 10 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, đã quy định các tình tiết tăng nặng cụ thể bao gồm:

a) Vi phạm hành chính có tổ chức;
b) Vi phạm hành chính nhiều lần; tái phạm;
c) Xúi giục, lôi kéo, sử dụng người chưa thành niên vi phạm; ép buộc người bị lệ thuộc vào mình về vật chất, tinh thần thực hiện hành vi vi phạm hành chính;

d) Sử dụng người biết rõ là đang bị tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi để vi phạm hành chính;

đ) Lãng mạ, phỉ báng người đang thi hành công vụ; vi phạm hành chính có tính chất côn đồ;

e) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm hành chính;

g) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để vi phạm hành chính;

h) Vi phạm trong thời gian đang chấp hành hình phạt của bản án hình sự hoặc đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính;

i) Tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm hành chính mặc dù người có thẩm quyền đã yêu cầu chấm dứt hành vi đó;

k) Sau khi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che giấu vi phạm hành chính;

l) Vi phạm hành chính có quy mô lớn, số lượng hoặc trị giá hàng hóa lớn;

m) Vi phạm hành chính đối với nhiều người, trẻ em, người già, người khuyết tật, phụ nữ mang thai.

Trường hợp các tình tiết quy định ở trên đã được quy định là hành vi vi phạm hành chính thì không được coi là tình tiết tăng nặng.

Câu hỏi 12: Theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, khi thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong tình thế cấp thiết thì có bị xử phạt vi phạm hành chính hay không?

Trả lời:

Điều 11 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, quy định những trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính bao gồm:

1. Thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong tình thế cấp thiết;
2. Thực hiện hành vi vi phạm hành chính do phòng vệ chính đáng;
3. Thực hiện hành vi vi phạm hành chính do sự kiện bất ngờ;
4. Thực hiện hành vi vi phạm hành chính do sự kiện bất khả kháng;
5. Người thực hiện hành vi vi phạm hành chính không có năng lực trách nhiệm hành chính; người thực hiện hành vi vi phạm hành chính

chưa đủ tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 5 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, cụ thể là: Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính về vi phạm hành chính do cố ý; người từ đủ 16 tuổi trở lên bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi vi phạm hành chính.

Như vậy, đối chiếu với quy định ở trên, người có hành vi vi phạm hành chính trong tình thế cấp thiết thì không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Câu hỏi 13: Theo quy định của pháp luật hiện hành, những hành vi nào bị nghiêm cấm trong hoạt động xử lý vi phạm hành chính?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 12 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, những hành vi sau bị nghiêm cấm trong hoạt động xử lý vi phạm hành chính:

1. Giữ lại vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để xử lý vi phạm hành chính.

2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sách nhiễu, đòi, nhận tiền, tài sản của người vi phạm; dung túng, bao che, hạn chế quyền của người vi phạm hành chính khi xử phạt vi phạm hành chính hoặc áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

3. Ban hành trái thẩm quyền văn bản quy định về hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước và biện pháp xử lý hành chính.

4. Không xử phạt vi phạm hành chính, không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả hoặc không áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

5. Xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả hoặc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính không kịp thời, không nghiêm minh, không đúng thẩm quyền, thủ tục, đối tượng quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

6. Áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả không đúng, không đầy đủ đối với hành vi vi phạm hành chính.

7. Can thiệp trái pháp luật vào việc xử lý vi phạm hành chính.

8. Kéo dài thời hạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

9. Sử dụng tiền thu được từ tiền nộp phạt vi phạm hành chính, tiền nộp do chậm thi hành quyết định xử phạt tiền, tiền bán, thanh lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu và các khoản tiền khác thu được từ xử phạt vi phạm hành chính trái quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

10. Giả mạo, làm sai lệch hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

11. Xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người bị xử phạt vi phạm hành chính, người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính, người bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính.

12. Chống đối, trốn tránh, trì hoãn hoặc cản trở chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Câu hỏi 14: Trách nhiệm quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được quy định như thế nào?

Trả lời:

Trách nhiệm quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được quy định tại Điều 17 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, cụ thể là:

1. Chính phủ thống nhất quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi cả nước.

2. Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chủ trì hoặc phối hợp trong việc đề xuất, xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

b) Theo dõi chung và báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; thống kê, xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

c) Chủ trì, phối hợp hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ trong việc thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

d) Kiểm tra, phối hợp với các bộ, ngành hữu quan tiến hành thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các bộ, ngành có trách nhiệm thực hiện hoặc phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều này; kịp thời cung cấp thông tin cho Bộ Tư pháp về xử lý vi phạm hành chính để xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia; định kỳ 06 tháng, hằng năm báo cáo Bộ Tư pháp

về công tác xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý của cơ quan mình.

4. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Tòa án nhân dân tối cao thực hiện quy định tại khoản 2 Điều này và định kỳ 06 tháng, hằng năm gửi thông báo đến Bộ Tư pháp về công tác xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý của cơ quan mình; chỉ đạo Tòa án nhân dân các cấp thực hiện việc cung cấp thông tin về xử lý vi phạm hành chính; chủ trì, phối hợp với Chính phủ ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các quy định có liên quan.

5. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban nhân dân các cấp quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương, có trách nhiệm sau đây:

a) Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

b) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết theo thẩm quyền khiếu nại, tố cáo trong việc thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

c) Kịp thời cung cấp thông tin cho Bộ Tư pháp về xử lý vi phạm hành chính để xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia; định kỳ 06 tháng, hằng năm báo cáo Bộ Tư pháp về công tác xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn.

6. Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, Tòa án nhân dân có thẩm quyền xem xét, quyết định các biện pháp xử lý hành chính, cơ quan thi hành quyết định xử phạt, thi hành quyết định cưỡng chế, thi hành quyết định xử phạt, cơ quan thi hành các quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có trách nhiệm gửi văn bản, quyết định quy định tại Điều 70, khoản 2 Điều 73, khoản 2 Điều 77, Điều 88, khoản 4 Điều 98, Điều 107, khoản 3 Điều 111, đoạn 2 khoản 3 Điều 112, khoản 1 và khoản 2 Điều 114 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 tới cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của Bộ Tư pháp, cơ quan tư pháp địa phương.

Câu hỏi 15: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cụ thể như thế nào trong công tác xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật hiện hành?

Trả lời:

Trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong công tác xử lý vi phạm hành chính được quy định tại Điều 18 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Theo quy định tại khoản 1 Điều 18 nêu trên, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm

quyền xử lý vi phạm hành chính có trách nhiệm sau đây:

a) Thường xuyên kiểm tra, thanh tra và kịp thời xử lý đối với vi phạm của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của mình; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

b) Không được can thiệp trái pháp luật vào việc xử lý vi phạm hành chính và phải chịu trách nhiệm liên đới về hành vi vi phạm của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính thuộc quyền quản lý trực tiếp của mình theo quy định của pháp luật;

c) Không được để xảy ra hành vi tham nhũng của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính do mình quản lý, phụ trách;

d) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm sau đây:

a) Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra việc xử lý vi phạm hành chính của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của mình;

b) Xử lý kỷ luật đối với người có sai phạm trong xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của mình;

c) Giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo về xử lý vi phạm hành chính trong ngành, lĩnh vực do mình phụ trách theo quy định của pháp luật;

d) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 3 Điều này, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính có trách nhiệm phát hiện quyết định về xử lý vi phạm hành chính do mình hoặc cấp dưới ban hành có sai sót và phải kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ, ban hành quyết định mới theo thẩm quyền.

Câu hỏi 16: Quy định về phần xử phạt vi phạm hành chính trong Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có những điểm mới nào?

Trả lời:

Hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định về các mức xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả và nguyên tắc áp

dụng; thẩm quyền xử phạt và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả; thủ tục xử phạt, thi hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt. So với Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) thì trong nội dung Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã được quy định bổ sung hình thức xử phạt mới là đình chỉ hoạt động có thời hạn và quy định áp dụng linh hoạt giữa hình thức xử phạt chính và hình thức xử phạt bổ sung đối với cùng một hình thức xử phạt vi phạm hành chính.

Riêng đối với hình thức phạt tiền, khác với Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) tại Điều 23 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã phân định mức phạt tiền tối thiểu và tối đa trong xử phạt vi phạm hành chính giữa cá nhân và tổ chức, theo đó, mức phạt tiền đối với cá nhân là từ 50.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, đối với tổ chức là từ 100.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng; ghi nhận cơ chế xử phạt đặc thù đối với khu vực nội thành của các thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào hành vi, khung tiền phạt do Chính phủ quy định và yêu cầu đơn vị quản lý kinh tế - xã hội của địa phương có thể quy định mức phạt cao hơn trong lĩnh vực giao

thông đường bộ, bảo vệ môi trường và an ninh trật tự, an toàn xã hội, nhưng không quá 02 lần mức phạt chung áp dụng đối với cùng hành vi vi phạm đã được quy định tại các Nghị định của Chính phủ.

Bên cạnh đó, tại Điều 24 của Luật cũng ghi nhận mức phạt tiền được quy định trong các luật khác như các Luật quản lý thuế, đo lường, sở hữu trí tuệ, an toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm hàng hóa, chứng khoán, hạn chế cạnh tranh và quy định mức phạt tối đa đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước là mức phạt áp dụng đối với cá nhân, mức phạt đối với tổ chức được áp dụng gấp 2 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

Ngoài ra, so với Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 cũng đã được bổ sung thêm một số biện pháp khắc phục hậu quả để đáp ứng yêu cầu thực tiễn của công tác xử phạt vi phạm hành chính như biện pháp buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn; buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng; buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính...

Đối với các quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính (Phần thứ 2, Chương II), Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã được bổ

sung thêm một số chức danh mới của lực lượng an ninh theo thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân (Điều 39), Cục trưởng/Tổng cục trưởng các Tổng cục/Cục hải quan, thuế, cơ quan Thi hành án dân sự. Riêng thẩm quyền xử phạt của thanh tra (Điều 46), Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã được bổ sung thẩm quyền xử phạt của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành, trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành và người đứng đầu của cơ quan được giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành ở các cấp theo tinh thần của Luật thanh tra năm 2010.

Điểm mới nữa trong cách quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh lần này là một số chức danh có thẩm quyền chung (như Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp), các chức danh có thẩm quyền xử phạt theo địa bàn thực hiện xử phạt trong nhiều lĩnh vực (như Công an nhân dân, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Thanh tra) Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 không quy định thẩm quyền xử phạt tiền của từng chức danh này theo một mức phạt tiền cố định như Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) mà quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) so với các mức phạt tối đa được quy định tại Điều 24 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, đồng thời có khống chế mức trần.

Ngoài ra, để thực hiện nguyên tắc phân định mức phạt tiền tối thiểu và tối đa trong xử phạt vi phạm hành chính giữa cá nhân và tổ chức quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, trong Phần quy định về xử phạt hành chính, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã được bổ sung nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt tại Điều 52, theo đó, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt tổ chức gấp 2 lần thẩm quyền xử phạt cá nhân và được xác định theo tỷ lệ phần trăm quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đối với chức danh đó. Trường hợp phạt tiền đối với vi phạm hành chính trong khu vực nội thành, thì các chức danh có thẩm quyền phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính do Chính phủ quy định cũng có thẩm quyền xử phạt tương ứng với mức tiền phạt cao hơn đối với các hành vi vi phạm hành chính do Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương quy định áp dụng trong nội thành.

Bên cạnh đó, tại Điều 53 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã được quy định bổ sung cơ chế xử lý thẩm quyền phạt tiền trong trường hợp có sự thay đổi tên gọi của chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, nhằm bảo

đảm tính linh hoạt trong việc áp dụng quy định về thẩm quyền xử phạt tiền.

Đối với các quy định về thủ tục xử phạt vi phạm hành chính, ngoài việc kế thừa các quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) về thủ tục xử phạt không lập biên bản, biên bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt, thời hạn ra quyết định xử phạt, thi hành quyết định xử phạt, cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt..., Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã có những thay đổi lớn về thủ tục xử phạt theo hướng công khai, minh bạch như các quy định về trách nhiệm của người có thẩm quyền xử phạt trong việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính (Điều 59); quy định chặt chẽ điều kiện tạm giữ tang vật để định giá (Điều 60); về việc giải trình (có thể bằng văn bản và giải trình trực tiếp) trong trường hợp vi phạm hành chính mà pháp luật quy định áp dụng hình thức tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc áp dụng mức phạt tiền tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức (Điều 61); về trách nhiệm của cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong việc công bố công khai trên các

phương tiện thông tin đại chúng việc xử phạt đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong các lĩnh vực như an toàn thực phẩm; chất lượng sản phẩm, hàng hóa; dược; khám bệnh, chữa bệnh; lao động; xây dựng; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo vệ môi trường; thuế; chứng khoán; sở hữu trí tuệ; đo lường; sản xuất, buôn bán hàng giả mà gây hậu quả lớn hoặc gây ảnh hưởng xấu về dư luận xã hội (Điều 72); bổ sung các quy định về miễn, giảm tiền phạt (Điều 77).

Câu hỏi 17: Cá nhân, tổ chức khi bị phát hiện thực hiện hành vi vi phạm hành chính có thể bị áp dụng các hình thức xử phạt như thế nào? Nguyên tắc áp dụng các hình thức xử phạt được thực hiện ra sao theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 21 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, khi thực hiện hành vi vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức có thể bị áp dụng các hình thức xử phạt và nguyên tắc áp dụng như sau:

1. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính bao gồm:

a) Cảnh cáo;

- b) Phạt tiền;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính (sau đây gọi chung là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính);
- đ) Trục xuất.

2. Hình thức xử phạt quy định tại điểm a và điểm b ở trên chỉ được quy định và áp dụng là hình thức xử phạt chính.

Hình thức xử phạt quy định tại các điểm c, d và đ ở trên có thể được quy định là hình thức xử phạt bổ sung hoặc hình thức xử phạt chính.

3. Đối với mỗi vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính chỉ bị áp dụng một hình thức xử phạt chính; có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung quy định ở trên. Hình thức xử phạt bổ sung chỉ được áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính.

Câu hỏi 18: Pháp luật xử lý vi phạm hành chính hiện hành quy định hình thức cảnh cáo được áp dụng trong trường hợp nào?

Trả lời:

Theo Điều 22 Luật xử lý vi phạm hành chính

năm 2012, cảnh cáo được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không nghiêm trọng, có tình tiết giảm nhẹ và theo quy định thì bị áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo hoặc đối với mọi hành vi vi phạm hành chính do người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện. Cảnh cáo được quyết định bằng văn bản.

Câu hỏi 19: Theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, mức phạt tiền trong xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng tối thiểu và tối đa là bao nhiêu? Luật quy định cụ thể về vấn đề này như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 23 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, mức phạt tiền được áp dụng trong xử phạt vi phạm hành chính từ 50.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 100.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Đối với khu vực nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương thì mức phạt tiền có thể cao hơn, nhưng tối đa không quá 02 lần mức phạt chung áp dụng đối với cùng hành vi vi phạm trong các lĩnh vực giao thông đường bộ; bảo vệ

môi trường; an ninh trật tự, an toàn xã hội. Căn cứ vào hành vi, khung tiền phạt hoặc mức tiền phạt được quy định tại nghị định của Chính phủ và yêu cầu quản lý kinh tế - xã hội đặc thù của địa phương, Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương quyết định khung tiền phạt hoặc mức tiền phạt cụ thể đối với hành vi vi phạm trong các lĩnh vực quy định ở trên.

Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tiền phạt tối đa của khung tiền phạt.

Câu hỏi 20: Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực cụ thể như thế nào?

Trả lời:

Mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực được quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được áp dụng cho hai đối tượng là cá nhân và tổ chức:

1. Đối với cá nhân, mức phạt tiền tối đa

trong các lĩnh vực quản lý nhà nước được quy định như sau:

a) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng: hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới; bạo lực gia đình; lưu trữ; tôn giáo; thi đua khen thưởng; hành chính tư pháp; dân số; vệ sinh môi trường; thống kê;

b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng: an ninh trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; giao thông đường bộ; giao dịch điện tử; bưu chính;

c) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng: phòng cháy, chữa cháy; cơ yếu; quản lý và bảo vệ biên giới quốc gia; bổ trợ tư pháp; y tế dự phòng; phòng, chống HIV/AIDS; giáo dục; văn hóa; thể thao; du lịch; quản lý khoa học, công nghệ; chuyển giao công nghệ; bảo vệ, chăm sóc trẻ em; bảo trợ, cứu trợ xã hội; phòng chống thiên tai; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; quản lý và bảo tồn nguồn gen; sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi, cây trồng; thú y; kế toán; kiểm toán độc lập; phí, lệ phí; quản lý tài sản công; hóa đơn; dự trữ quốc gia; điện lực; hóa chất; khí tượng thủy văn; đo đạc bản đồ; đăng ký kinh doanh;

d) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng: quốc phòng, an ninh quốc gia; lao động; dạy nghề; giao thông đường sắt; giao thông đường thủy nội địa; bảo hiểm y tế; bảo hiểm xã hội;

đ) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng: quản lý công trình thủy lợi; đê điều; khám bệnh, chữa bệnh; mỹ phẩm; dược, trang thiết bị y tế; sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, phân bón; quảng cáo; đặt cược và trò chơi có thưởng; quản lý lao động ngoài nước; giao thông hàng hải; giao thông hàng không dân dụng; quản lý và bảo vệ công trình giao thông; công nghệ thông tin; viễn thông; tần số vô tuyến điện; báo chí; xuất bản; thương mại; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hải quan, thủ tục thuế; kinh doanh xổ số; kinh doanh bảo hiểm; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; quản lý vật liệu nổ; bảo vệ nguồn lợi thủy sản, hải sản;

e) Phạt tiền đến 150.000.000 đồng: quản lý giá; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý, phát triển nhà và công sở; đấu thầu; đầu tư;

g) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng: sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả;

h) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng: điều tra, quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước;

i) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng: xây dựng; quản lý rừng, lâm sản; đất đai;

k) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng: quản lý các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng

hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quản lý hạt nhân và chất phóng xạ, năng lượng nguyên tử; tiền tệ, kim loại quý, đá quý, ngân hàng, tín dụng; thăm dò, khai thác dầu khí và các loại khoáng sản khác; bảo vệ môi trường.

2. Đối với tổ chức, mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định tại khoản 1 nêu trên được áp dụng bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

3. Mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực thuế; đo lường; sở hữu trí tuệ; an toàn thực phẩm; chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chứng khoán; hạn chế cạnh tranh theo quy định tại các luật tương ứng.

4. Mức phạt tiền tối đa đối với lĩnh vực mới chưa được quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 do Chính phủ quy định sau khi được sự đồng ý của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Câu hỏi 21: Thế nào là tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn? Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định vấn đề này như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 25 Luật xử lý vi phạm

hành chính năm 2012, tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn là hình thức xử phạt được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm nghiêm trọng các hoạt động được ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề. Trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, cá nhân, tổ chức không được tiến hành các hoạt động ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

Đình chỉ hoạt động có thời hạn là hình thức xử phạt được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong các trường hợp sau:

- Đình chỉ một phần hoạt động gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng, sức khỏe con người, môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà theo quy định của pháp luật phải có giấy phép;

- Đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc hoạt động khác mà theo quy định của pháp luật không phải có giấy phép và hoạt động đó gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng, sức khỏe con người, môi trường và trật tự, an toàn xã hội.

Thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thời hạn đình chỉ hoạt động quy định ở trên được áp dụng từ 01 tháng đến 24

tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành. Người có thẩm quyền xử phạt giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

Câu hỏi 22: Pháp luật xử lý vi phạm hành chính hiện hành quy định các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra như thế nào? Nguyên tắc áp dụng các biện pháp đó ra sao?

Trả lời:

Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định các biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

- a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;
- b) Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;
- c) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;
- d) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện;
- đ) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại;
- e) Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn;

g) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hoá, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm;

h) Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng;

i) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật;

k) Các biện pháp khắc phục hậu quả khác do Chính phủ quy định.

Các biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng theo nguyên tắc như sau: Đối với mỗi vi phạm hành chính, ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả quy định ở trên;

Như vậy, căn cứ theo quy định ở trên, nếu chủ trang trại gia cầm không chủ động phòng dịch, tiêu hủy gia cầm bị bệnh theo đúng quy trình hướng dẫn của cán bộ thú y, làm dịch bệnh lây lan, ngoài việc bị áp dụng các hình thức xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh.

Câu hỏi 23: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền như thế nào trong xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì trong xử phạt vi phạm hành chính Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 10% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nhưng không quá 5.000.000 đồng;
 - c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm b khoản này;
 - d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24

Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nhưng không quá 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, h, i và k khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1, Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Câu hỏi 24: Thẩm quyền của Công an nhân dân trong xử phạt vi phạm hành chính được quy định như thế nào?

Trả lời:

Thẩm quyền của Công an nhân dân trong xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại Điều 39 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và được áp dụng đối với từng cấp bậc, chức vụ như sau:

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 1% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nhưng không quá 500.000 đồng.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 3% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nhưng không quá 1.500.000 đồng.

3. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trạm trưởng Trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 5% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nhưng không quá 2.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

4. Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát đường thủy; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát trật tự, Trưởng phòng Cảnh sát phản ứng nhanh, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát bảo vệ và cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn trên sông, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng An ninh kinh tế,

Trưởng phòng An ninh văn hóa, tư tưởng, Trưởng phòng An ninh thông tin; Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy các quận, huyện thuộc Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy; Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động từ cấp đại đội trở lên, có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 20% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nhưng không quá 25.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ và k khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh, Giám đốc Sở Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nhưng không quá 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

đ) Giám đốc Công an cấp tỉnh quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất;

e) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ, i và k khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

6. Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục An ninh văn hóa, tư tưởng, Cục trưởng Cục An ninh thông tin, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt, Cục trưởng Cục Cảnh sát đường thủy, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn, Cục trưởng Cục Cảnh sát bảo vệ, Cục trưởng Cục Theo dõi thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục

Cảnh sát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ, i và k khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

7. Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 6 Điều này và có quyền quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất.

Câu hỏi 25: Xin cho biết, theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Bộ đội biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hay không? Nếu có, thẩm quyền của lực lượng này được quy định cụ thể như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 40 Luật xử lý vi phạm

hành chính năm 2012 thì Bộ đội biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; cụ thể như sau:

1. Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 1% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nhưng không quá 500.000 đồng.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 5% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nhưng không quá 2.500.000 đồng.

3. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Tiểu khu biên phòng, Chỉ huy trưởng biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 20% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nhưng không quá 25.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm

hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ và k khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012¹.

4. Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh, Chỉ huy trưởng Hải đoàn biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:

1. Khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định các biện pháp khắc phục hậu quả bao gồm:

- a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;
- b) Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;
- c) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;
- d) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện;
- đ) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại;
- e) Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn;
- g) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hoá, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm;
- h) Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng;
- i) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật;
- k) Các biện pháp khắc phục hậu quả khác do Chính phủ quy định.

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ, i và k khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Câu hỏi 26: Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hay không? Nếu có, Luật quy định cụ thể thẩm quyền của lực lượng Cảnh sát biển các cấp như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1, Điều 41 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ là một trong những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Điều 41 cũng quy định cụ thể thẩm quyền của Cảnh sát biển các cấp trong lĩnh vực này như sau:

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nhưng không quá 1.500.000 đồng.

2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nhưng không quá 5.000.000 đồng.

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nhưng không quá 10.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20% mức tiền phạt tối đa

đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nhưng không quá 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ và k khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nhưng không quá 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ và k khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

6. Chỉ huy trưởng Vùng Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nhưng không quá 100.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ và k khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

7. Cục trưởng Cục Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và k khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Câu hỏi 27: Pháp luật quy định như thế nào về thẩm quyền của Hải quan trong xử phạt vi phạm hành chính?

Trả lời:

Điều 42 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định thẩm quyền một số vị trí công chức Hải quan trong xử phạt vi phạm hành chính như sau:

1. Công chức Hải quan đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Đội trưởng thuộc chi cục Hải quan, Đội trưởng thuộc chi cục kiểm tra sau thông quan có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng.

3. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Đội trưởng đội thủ tục Hải quan, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 42 nêu trên;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ, g, i và k khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

4. Cục trưởng Cục điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ, g, i và k khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

5. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ, g, i và k khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Câu hỏi 28: Thẩm quyền của Kiểm lâm trong việc xử phạt vi phạm hành chính được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 43 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định thẩm quyền của Kiểm lâm trong việc xử phạt vi phạm hành chính như sau:

1. Kiểm lâm viên đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Trạm trưởng Trạm Kiểm lâm có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 43 nêu trên.

3. Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm, Đội trưởng Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 43 nêu trên;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ, i và k khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

4. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Đội trưởng Đội Kiểm lâm đặc nhiệm thuộc Cục Kiểm lâm có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 43 nêu trên;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, đ, i và k khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

5. Cục trưởng Cục Kiểm lâm có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực quản lý rừng, lâm sản quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, đ, i và k khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Câu hỏi 29: Cơ quan Thuế có thẩm quyền trong việc xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 44 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, thẩm quyền của cơ quan Thuế trong xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện như sau:

1. Công chức Thuế đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Đội trưởng Đội Thuế có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.

3. Chi cục trưởng Chi cục Thuế có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 44 nêu trên;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, i và k khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

4. Cục trưởng Cục Thuế có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 44 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, i và k khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

5. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực thuế quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, i và k khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Câu hỏi 30: Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền xử phạt vi phạm hành chính hay không? Pháp luật hiện hành quy định thẩm quyền của Quản

lý thị trường như thế nào trong việc xử phạt vi phạm hành chính?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1, Điều 45 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền xử phạt vi phạm hành chính theo một trong hai hình thức là phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 500.000 đồng.

Khoản 2, 3, 4 Điều 45 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 cũng quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Quản lý thị trường như sau:

2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 2 nêu trên;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, đ, e, g, h, i và k khoản 1, Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

3. Chi Cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công thương, Trưởng phòng chống buôn lậu, Trưởng phòng chống hàng giả, Trưởng phòng kiểm soát chất lượng hàng hóa thuộc Cục Quản lý thị trường có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 3 nêu trên;
- d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g, h, i và k khoản 1, Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

4. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g, h, i và k khoản 1, Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Câu hỏi 31: Pháp luật quy định thẩm quyền của thanh tra trong việc xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?

Trả lời:

Thẩm quyền của Thanh tra được quy định tại Điều 46 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và được phân cấp cụ thể như sau:

1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nhưng không quá 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c và d khoản 1, Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

2. Chánh Thanh tra sở, Chánh Thanh tra Cục Hàng không, Chánh Thanh tra Cục Hàng hải, Chánh thanh tra Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Chánh thanh tra Ủy ban chứng khoán Nhà nước; Chi cục trưởng Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Chi cục trưởng Chi cục Dân số - Kế

hoạch hóa gia đình thuộc Sở Y tế, Chi cục trưởng Chi cục về bảo vệ thực vật, thú y, thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, thủy lợi, dê điều, lâm nghiệp, phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Trung tâm Tần số khu vực và các chức danh tương đương được Chính phủ giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nhưng không quá 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 46 nêu trên;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1, Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

3. Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực, Cục trưởng Cục Thống kê, Cục trưởng Cục kiểm soát ô nhiễm, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các chức

danh tương đương được Chính phủ giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 70% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nhưng không quá 250.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

4. Chánh Thanh tra Bộ, cơ quan ngang Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản, Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường, Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai, Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà

nước, Tổng cục trưởng Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Trưởng Ban Tôn giáo Chính phủ, Cục trưởng Cục Hóa chất, Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và môi trường công nghiệp, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Cục trưởng Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Cục trưởng Cục Thú y, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Cục trưởng Cục Trồng trọt, Cục trưởng Cục Chăn nuôi, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, Cục trưởng Cục Chế biến, thương mại nông lâm thủy sản và nghề muối, Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện, Cục trưởng Cục Viễn thông, Cục trưởng Cục Quản lý phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Cục trưởng Cục Báo chí, Cục trưởng Cục Xuất bản, Cục trưởng Cục Quản lý dược, Cục trưởng Cục Quản lý khám, chữa bệnh, Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế, Cục trưởng Cục Y tế dự phòng, Cục trưởng Cục An toàn vệ sinh thực phẩm và các chức danh tương đương được Chính phủ giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

5. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp bộ có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 46 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở, trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của cơ quan quản lý nhà nước được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Câu hỏi 32: Theo quy định của pháp luật hiện hành thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ hàng không, Cảng vụ đường thủy nội địa được quy định cụ thể như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 47 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Cảnh vụ hàng hải, Cảnh vụ hàng không, Cảnh vụ đường thủy nội địa có thẩm quyền trong xử phạt vi phạm hành chính như sau:

1. Trưởng đại diện Cảnh vụ hàng hải, Trưởng đại diện Cảnh vụ hàng không, Trưởng đại diện Cảnh vụ đường thủy nội địa có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 nêu trên.

2. Giám đốc Cảnh vụ hàng hải, Giám đốc Cảnh vụ hàng không, Giám đốc Cảnh vụ đường thủy nội địa thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 47 nêu trên;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, đ, i và k khoản 1, Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Câu hỏi 33: Tòa án nhân dân có thẩm quyền như thế nào trong việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 48 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Tòa án nhân dân có thẩm quyền trong xử phạt vi phạm hành chính, cụ thể như sau:

1. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 48 nêu trên.

2. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ việc phá sản có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 nêu trên;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, i và k khoản 1, Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

3. Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện, Chánh tòa chuyên trách Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự khu vực có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 7.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 48 nêu trên.

4. Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự quân khu và tương đương, Chánh tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Chánh tòa chuyên trách Tòa án nhân dân tối cao có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, i và k khoản 1, Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Câu hỏi 34: Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền như thế nào trong việc xử

phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 49 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính như sau:

1. Chấp hành viên thi hành án dân sự đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Chi Cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 49 nêu trên;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, i và k khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

3. Chấp hành viên thi hành án dân sự là Tổ trưởng tổ quản lý, thanh lý tài sản của vụ việc phá sản có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, i và k khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

4. Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự, Trưởng phòng Phòng Thi hành án cấp quân khu có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 49 nêu trên;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, i và k khoản 1, Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

5. Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực thi hành án dân sự quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, i và k khoản 1, Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Câu hỏi 35: Cục Quản lý lao động ngoài nước có thẩm quyền như thế nào trong xử

lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 50 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Cục trưởng Cục Quản lý lao động ngoài nước có quyền:

1. Phạt cảnh cáo;
2. Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;
3. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
4. Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
5. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, i và k khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Câu hỏi 36: Theo quy định của pháp luật hiện hành, Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?

Trả lời:

Thẩm quyền của Cơ quan đại diện ngoại giao,

Cơ quan lãnh sự, cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài được quy định tại Điều 51 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Theo đó, người đứng đầu Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài có quyền:

1. Phạt cảnh cáo;
2. Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;
3. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
4. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, i và k khoản 1, Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Câu hỏi 37: Nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định như thế nào?

Trả lời:

Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc xác định và phân

định thẩm quyền quy định tại Điều 52 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, cụ thể như sau:

1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của những người được quy định tại các điều từ Điều 38 đến Điều 51 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (bao gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Công an nhân dân, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, Kiểm lâm, cơ quan Thuế, Quản lý thị trường, Thanh tra, Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ hàng không, Cảng vụ đường thủy nội địa, Tòa án nhân dân, Cơ quan thi hành án dân sự, Cục quản lý lao động ngoài nước, Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan lãnh sự, cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài) là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt cá nhân và được xác định theo tỉ lệ phần trăm quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đối với chức danh đó.

Trong trường hợp phạt tiền đối với vi phạm hành chính trong khu vực nội thành thuộc các lĩnh vực quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 23 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (bao gồm: giao thông đường bộ; bảo vệ môi trường; an ninh trật tự, an toàn xã hội), thì các chức danh

có thẩm quyền phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính do Chính phủ quy định cũng có thẩm quyền xử phạt tương ứng với mức tiền phạt cao hơn đối với các hành vi vi phạm hành chính do Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương quy định áp dụng trong nội thành.

2. Thẩm quyền phạt tiền quy định tại khoản 1 Điều 52 nêu trên được xác định căn cứ vào mức tối đa của khung tiền phạt quy định đối với từng hành vi vi phạm cụ thể.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương.

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại các điều từ Điều 39 đến Điều 51 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực, ngành mình quản lý.

Trong trường hợp vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người, thì việc xử phạt vi phạm hành chính do người thụ lý đầu tiên thực hiện.

4. Trường hợp xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được xác định theo nguyên tắc sau đây:

a) Nếu hình thức, mức xử phạt, trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu,

biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với từng hành vi đều thuộc thẩm quyền của người xử phạt vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt vẫn thuộc người đó;

b) Nếu hình thức, mức xử phạt, trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền của người xử phạt vi phạm hành chính thì người đó phải chuyển vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền xử phạt;

c) Nếu hành vi thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của nhiều người thuộc các ngành khác nhau, thì thẩm quyền xử phạt thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xử phạt nơi xảy ra vi phạm.

Câu hỏi 38: Theo quy định của pháp luật hiện hành, trong trường hợp nào buộc phải chấm dứt hành vi vi phạm hành chính?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 55 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính được người có thẩm quyền đang thi hành công vụ áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính đang diễn ra nhằm chấm dứt ngay hành vi vi phạm. Buộc chấm dứt hành vi vi

phạm hành chính được thực hiện bằng lời nói, còi, hiệu lệnh, văn bản hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 39: Thế nào là xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản?

Trả lời:

Điều 56 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định về xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản như sau:

1. Xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản được áp dụng trong trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức và người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại chỗ.

Trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ thì phải lập biên bản.

2. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại chỗ phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ, tên, địa chỉ của cá nhân vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; hành vi vi phạm; địa điểm xảy ra vi phạm; chứng cứ và tình tiết liên quan đến việc giải quyết vi phạm; họ, tên, chức vụ của người ra quyết định xử phạt; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng. Trường hợp phạt tiền thì trong quyết định phải ghi rõ mức tiền phạt.

Câu hỏi 40: Trong những trường hợp nào việc xử phạt vi phạm hành chính phải lập biên bản? Hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 57 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, việc xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không thuộc trường hợp quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 56 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, nghĩa là, không thuộc trường hợp xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản.

Việc xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản phải được người có thẩm quyền xử phạt lập thành hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính. Hồ sơ bao gồm biên bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt hành chính, các tài liệu, giấy tờ có liên quan và phải được đánh bút lục.

Hồ sơ phải được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Câu hỏi 41: Trong quá trình rà soát, thanh tra việc thực hiện pháp luật về đất đai, Thanh tra viên của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A phát hiện doanh nghiệp B đã lấn đất để xây dựng cơ sở sản xuất,

kinh doanh nhưng không lập biên bản vi phạm hành chính. Sau đó, Chánh Thanh tra Sở đã ra quyết định xử phạt doanh nghiệp B 15 triệu đồng. Trong trường hợp này, việc làm của Thanh tra viên có đúng không?

Trả lời:

Việc Thanh tra viên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A khi phát hiện vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình mà không lập biên bản là không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định khi phát hiện vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản, trừ trường hợp xử phạt không lập biên bản theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012¹.

Trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ thì việc lập biên bản vi phạm hành chính được tiến hành ngay khi xác định được tổ chức, cá nhân vi phạm.

1. Khoản 1 Điều 56 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định: Xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản được áp dụng trong trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức và người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại chỗ.

Vi phạm hành chính xảy ra trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa thì người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu có trách nhiệm tổ chức lập biên bản và chuyển ngay cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính khi tàu bay, tàu biển, tàu hỏa về đến sân bay, bến cảng, nhà ga.

Biên bản vi phạm hành chính phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm; hành vi vi phạm; biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý; tình trạng tang vật, phương tiện bị tạm giữ; lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, lời khai của họ; quyền và thời hạn giải trình về vi phạm hành chính của người vi phạm hoặc đại diện của tổ chức vi phạm; cơ quan tiếp nhận giải trình.

Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cơ sở nơi xảy ra vi phạm hoặc của hai người chứng kiến.

Biên bản vi phạm hành chính phải được lập thành ít nhất 02 bản, phải được người lập biên

bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký; trường hợp người vi phạm không ký được thì điểm chỉ; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì họ cùng phải ký vào biên bản; trường hợp biên bản gồm nhiều tờ, thì những người được quy định tại khoản này phải ký vào từng tờ biên bản. Nếu người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại từ chối ký thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản.

Biên bản vi phạm hành chính lập xong phải giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính 01 bản; trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền hoặc vượt quá thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản phải được chuyển ngay đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt.

Trường hợp người chưa thành niên vi phạm hành chính thì biên bản còn được gửi cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người đó.

Câu hỏi 42: Khi xem xét ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trong trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm xác minh các tình tiết gì? Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định việc xác minh này như thế nào?

Trả lời:

Việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính được quy định tại Điều 59 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Theo đó, khi xem xét ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trong trường hợp cần thiết người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xác minh các tình tiết sau đây:

- a) Có hay không có vi phạm hành chính;
- b) Cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính, lỗi, nhân thân của cá nhân vi phạm hành chính;
- c) Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ;
- d) Tính chất, mức độ thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra;
- đ) Trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012¹;

1. *Khoản 1 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định:*

1. Không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong những trường hợp sau đây:

- a) Trường hợp quy định tại Điều 11 của Luật này;
- b) Không xác định được đối tượng vi phạm hành chính;
- c) Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 6 hoặc hết thời hạn ra quyết định xử phạt quy định tại khoản 3 Điều 63 hoặc khoản 1 Điều 66 của Luật này;
- d) Cá nhân vi phạm hành chính chết, mất tích, tổ chức vi phạm hành chính đã giải thể, phá sản trong thời gian xem xét ra quyết định xử phạt;
- đ) Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm theo quy định tại Điều 62 của Luật này.

e) Tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc xem xét, quyết định xử phạt.

Trong quá trình xem xét, ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt có thể trưng cầu giám định. Việc trưng cầu giám định được thực hiện theo quy định của pháp luật về giám định.

Việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính phải được thể hiện bằng văn bản.

Câu hỏi 43: Việc xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt được pháp luật hiện hành quy định cụ thể như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 60 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, trong trường hợp cần xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt, người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải xác định giá trị tang vật và phải chịu trách nhiệm về việc xác định đó:

1. Tùy theo loại tang vật cụ thể, việc xác định giá trị dựa trên một trong các căn cứ theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Giá niêm yết hoặc giá ghi trên hợp đồng hoặc hoá đơn mua bán hoặc tờ khai nhập khẩu;

b) Giá theo thông báo của cơ quan tài chính địa phương; trường hợp không có thông báo giá thì theo giá thị trường của địa phương tại thời điểm xảy ra vi phạm hành chính;

c) Giá thành của tang vật nếu là hàng hoá chưa xuất bán;

d) Đối với tang vật là hàng giả thì giá của tang vật đó là giá thị trường của hàng hoá thật hoặc hàng hoá có cùng tính năng, kỹ thuật, công dụng tại thời điểm nơi phát hiện vi phạm hành chính.

2. Trường hợp không thể áp dụng được căn cứ quy định trên để xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc có thể ra quyết định tạm giữ tang vật vi phạm và thành lập Hội đồng định giá. Hội đồng định giá gồm có người ra quyết định tạm giữ tang vật vi phạm hành chính là Chủ tịch Hội đồng, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp và đại diện cơ quan chuyên môn có liên quan là thành viên.

3. Thời hạn tạm giữ tang vật để xác định giá trị không quá 24 giờ, kể từ thời điểm ra quyết định tạm giữ, trong trường hợp thật cần thiết thì thời hạn có thể kéo dài thêm nhưng tối đa không quá 24 giờ. Mọi chi phí liên quan đến việc tạm giữ, định giá và thiệt hại do việc tạm giữ gây ra do cơ quan của người có thẩm quyền ra

quyết định tạm giữ chi trả. Thủ tục, biên bản tạm giữ được thực hiện theo quy định tại khoản 5 và khoản 9 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012¹.

4. Căn cứ để xác định giá trị và các tài liệu

1. *Khoản 5 và khoản 9 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định:*

5. Người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có trách nhiệm bảo quản tang vật, phương tiện đó. Trong trường hợp tang vật, phương tiện bị mất, bán, đánh tráo hoặc hư hỏng, mất linh kiện, thay thế thì người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện phải chịu trách nhiệm bồi thường và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp tang vật, phương tiện bị tạm giữ phải được niêm phong thì phải tiến hành ngay trước mặt người vi phạm; nếu người vi phạm vắng mặt thì phải tiến hành niêm phong trước mặt đại diện gia đình, đại diện tổ chức, đại diện chính quyền và người chứng kiến.

Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phải có quyết định bằng văn bản kèm theo biên bản tạm giữ và phải giao cho người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm 01 bản.

....

9. Mọi trường hợp tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề phải được lập thành biên bản. Trong biên bản phải ghi rõ tên, số lượng, chủng loại, tình trạng của tang vật, phương tiện bị tạm giữ và phải có chữ ký của người ra quyết định tạm giữ, người vi phạm; trường hợp không xác định được người vi phạm, người vi phạm vắng mặt hoặc không ký thì phải có chữ ký của 02 người làm chứng. Biên bản phải được lập thành 02 bản, người có thẩm quyền tạm giữ giữ 01 bản, người vi phạm giữ 01 bản.

liên quan đến việc xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính phải thể hiện trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.

Câu hỏi 44: Khi nào cá nhân, tổ chức vi phạm có quyền giải trình trực tiếp với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính?

Trả lời:

Điều 61 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định cụ thể vấn đề này như sau:

1. Đối với hành vi vi phạm hành chính mà pháp luật quy định áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc áp dụng mức phạt tiền tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức thì cá nhân, tổ chức vi phạm có quyền giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trước khi ra quyết định xử phạt, trừ trường hợp cá nhân, tổ chức không có yêu cầu giải trình trong thời hạn quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 61 nêu trên.

2. Đối với trường hợp giải trình bằng văn bản, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải gửi văn bản giải trình cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.

Trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp thì người có thẩm quyền có thể gia hạn thêm không quá 05 ngày theo đề nghị của cá nhân, tổ chức vi phạm.

Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính tự mình hoặc uỷ quyền cho người đại diện hợp pháp của mình thực hiện việc giải trình bằng văn bản.

3. Đối với trường hợp giải trình trực tiếp, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải gửi văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.

Người có thẩm quyền xử phạt phải thông báo bằng văn bản cho người vi phạm về thời gian và địa điểm tổ chức phiên giải trình trực tiếp trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của người vi phạm.

Người có thẩm quyền xử phạt tổ chức phiên giải trình trực tiếp và có trách nhiệm nêu căn cứ pháp lý và tình tiết, chứng cứ liên quan đến hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt,

biện pháp khắc phục hậu quả dự kiến áp dụng đối với hành vi vi phạm. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính, người đại diện hợp pháp của họ có quyền tham gia phiên giải trình và đưa ra ý kiến, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Việc giải trình trực tiếp được lập thành biên bản và phải có chữ ký của các bên liên quan; trường hợp biên bản gồm nhiều tờ thì các bên phải ký vào từng tờ biên bản. Biên bản này phải được lưu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính và giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hoặc người đại diện hợp pháp của họ 01 bản.

Câu hỏi 45: Quá trình chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 62 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định vấn đề này như sau:

1. Khi xem xét vụ vi phạm để quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.

2. Trong quá trình thi hành quyết định xử

phạt vi phạm hành chính, nếu hành vi vi phạm được phát hiện có dấu hiệu tội phạm mà chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì người đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định đó và trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày tạm đình chỉ phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự; trường hợp đã thi hành xong quyết định xử phạt thì người đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.

3. Cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có trách nhiệm xem xét, kết luận vụ việc và trả lời kết quả giải quyết bằng văn bản cho người có thẩm quyền đã chuyển hồ sơ trong thời hạn theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự; trường hợp không khởi tố vụ án hình sự thì trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng phải trả hồ sơ vụ việc cho người có thẩm quyền xử phạt đã chuyển hồ sơ đến.

Trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, nếu cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có quyết định khởi tố vụ án thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính và chuyển toàn bộ tang

vật, phương tiện vi phạm hành chính và tài liệu về việc thi hành quyết định xử phạt cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.

4. Việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự phải được thông báo bằng văn bản cho cá nhân vi phạm.

Câu hỏi 46: Việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 63 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, cụ thể là:

1. Đối với vụ việc do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó lại có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án, nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính, thì trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ra quyết định, cơ quan tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển các quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm và đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

2. Việc xử phạt vi phạm hành chính được căn cứ vào hồ sơ vụ vi phạm do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến.

Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền xử phạt tiến hành xác minh thêm tình tiết để làm căn cứ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

3. Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 30 ngày, kể từ ngày nhận được các quyết định quy định tại khoản 1 Điều 63 nêu trên kèm theo hồ sơ vụ vi phạm. Trong trường hợp cần xác minh thêm quy định tại khoản 2 Điều 63 nêu trên thì thời hạn tối đa không quá 45 ngày.

Câu hỏi 47: Pháp luật quy định như thế nào về việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ trong việc phát hiện vi phạm hành chính của cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 64 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để phát hiện vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông và bảo vệ môi trường.

Việc quản lý, sử dụng và quy định danh mục

các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Tôn trọng quyền tự do, danh dự, nhân phẩm, bí mật đời tư của công dân, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của cá nhân và tổ chức;

b) Tuân thủ đúng quy trình, quy tắc về sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ;

c) Kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phải được ghi nhận bằng văn bản và chỉ được sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính;

d) Phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền quy định.

Việc quản lý, sử dụng và danh mục các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính sẽ do Chính phủ quy định cụ thể.

Câu hỏi 48: Trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xem xét để ra quyết định xử phạt đối với hành vi đánh bạc của chị A thì nhận được tin báo chị A đã chết. Đề nghị cho biết trong trường hợp này, cơ quan có thẩm quyền có ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với chị A hay không?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Luật xử lý

vi phạm hành chính năm 2012 thì đối với một số trường hợp do luật định, cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính sẽ không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính. Cụ thể là các trường hợp sau:

a) Các trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính theo Điều 11 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, đó là:

+ Thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong tình thế cấp thiết;

+ Thực hiện hành vi vi phạm hành chính do phòng vệ chính đáng;

+ Thực hiện hành vi vi phạm hành chính do sự kiện bất ngờ;

+ Thực hiện hành vi vi phạm hành chính do sự kiện bất khả kháng;

+ Người thực hiện hành vi vi phạm hành chính không có năng lực trách nhiệm hành chính; người thực hiện hành vi vi phạm hành chính chưa đủ tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính.

b) Không xác định được đối tượng vi phạm hành chính;

c) Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 hoặc hết thời hạn ra quyết định xử phạt quy định tại khoản 3 Điều 63 hoặc khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

d) Cá nhân vi phạm hành chính chết, mất tích, tổ chức vi phạm hành chính đã giải thể, phá sản trong thời gian xem xét ra quyết định xử phạt;

đ) Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối chiếu với quy định nêu trên, trường hợp của chị A được giải quyết theo quy định của điểm d khoản 1, Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, theo đó cơ quan có thẩm quyền sẽ không ra quyết định xử phạt hành vi vi phạm hành chính.

Câu hỏi 49: Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính được pháp luật hiện hành quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định vấn đề này như sau:

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 61 Luật xử lý vi phạm hành chính

năm 2012 thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản.

Trường hợp vụ việc đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp và thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại đoạn 2 khoản 2 và khoản 3 Điều 61 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 mà cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản để xin gia hạn; việc gia hạn phải bằng văn bản, thời hạn gia hạn không được quá 30 ngày.

2. Quá thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 66 hoặc khoản 3 Điều 63 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, người có thẩm quyền xử phạt không ra quyết định xử phạt nhưng vẫn quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, quyết định tịch thu sung vào ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy tang vật vi phạm hành chính thuộc loại cấm lưu hành.

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính nếu có lỗi trong việc để quá thời hạn mà không ra quyết định xử phạt thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 50: Trường hợp một doanh nghiệp bị phát hiện cùng lúc có nhiều hành

vi vi phạm hành chính thì cơ quan có thẩm quyền có thể xử phạt các hành vi vi phạm đó trong cùng một quyết định hay không?

Trả lời:

Điều 67 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định việc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính như sau:

1. Trường hợp một cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính mà bị xử phạt trong cùng một lần thì chỉ ra 01 quyết định xử phạt, trong đó quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm hành chính.

2. Trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì có thể ra 01 hoặc nhiều quyết định xử phạt để quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng cá nhân, tổ chức.

3. Trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính khác nhau trong cùng một vụ vi phạm thì có thể ra 01 hoặc nhiều quyết định xử phạt để quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm của từng cá nhân, tổ chức.

4. Quyết định xử phạt có hiệu lực kể từ ngày ký, trừ trường hợp trong quyết định quy định ngày có hiệu lực khác.

Câu hỏi 51: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính có những nội dung gì?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì quyết định xử phạt vi phạm hành chính có các nội dung chính sau:

- a) Địa danh, ngày, tháng, năm ra quyết định;
- b) Căn cứ pháp lý để ban hành quyết định;
- c) Biên bản vi phạm hành chính, kết quả xác minh, văn bản giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hoặc biên bản họp giải trình và tài liệu khác (nếu có);
- d) Họ, tên, chức vụ của người ra quyết định;
- đ) Họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm;
- e) Hành vi vi phạm hành chính; tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng;
- g) Điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng;
- h) Hình thức xử phạt chính; hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có);
- i) Quyền khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính;
- k) Hiệu lực của quyết định, thời hạn và nơi thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nơi nộp tiền phạt;

l) Họ tên, chữ ký của người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

m) Trách nhiệm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và việc cưỡng chế trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành.

Câu hỏi 52: Theo quy định của pháp luật hiện hành quyết định xử phạt không lập biên bản được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 69 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, trong trường hợp áp dụng hình thức xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản (được quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật xử lý vi phạm hành chính), như sau:

1. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản phải được giao cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt 01 bản. Trường hợp người chưa thành niên bị xử phạt cảnh cáo thì quyết định xử phạt còn được gửi cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người đó.

2. Cá nhân, tổ chức vi phạm nộp tiền phạt tại chỗ cho người có thẩm quyền xử phạt. Người thu tiền phạt có trách nhiệm giao chứng từ thu tiền phạt cho cá nhân, tổ chức nộp tiền phạt và phải nộp tiền phạt trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước

hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày thu tiền phạt.

Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm không có khả năng nộp tiền phạt tại chỗ thì nộp tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước ghi trong quyết định xử phạt trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Câu hỏi 53: Việc gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thi hành được pháp luật quy định như thế nào? Trong trường hợp người vi phạm cố tình không nhận quyết định xử phạt phải xử lý như thế nào?

Trả lời:

Điều 70 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định quyết định xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản phải được thông báo đến cá nhân, tổ chức bị xử phạt, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cụ thể: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt, cơ quan thu tiền phạt và cơ quan liên quan khác (nếu có) để thi hành.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính được giao trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện bằng hình

thức bảo đảm và thông báo cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt biết.

Đối với trường hợp quyết định được giao trực tiếp mà cá nhân, tổ chức vi phạm cố tình không nhận quyết định thì người có thẩm quyền lập biên bản về việc không nhận quyết định có xác nhận của chính quyền địa phương và được coi là quyết định đã được giao.

Đối với trường hợp gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định xử phạt đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại do cá nhân, tổ chức vi phạm cố tình không nhận; quyết định xử phạt đã được niêm yết tại nơi cư trú của cá nhân, trụ sở của tổ chức bị xử phạt hoặc có căn cứ cho rằng người vi phạm trốn tránh không nhận quyết định xử phạt thì được coi là quyết định đã được giao.

Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã quy định rõ ràng, chi tiết về cách thức và thời hạn gửi quyết định xử phạt cho cá nhân tổ chức bị xử phạt biết. Điều này, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của cơ quan áp dụng pháp luật, gỡ bỏ vướng mắc về vấn đề người vi phạm cố tình không nhận quyết định xử phạt, bảo đảm tính công khai minh bạch, góp phần nâng cao hiệu quả của công tác thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Câu hỏi 54: Việc chuyển quyết định xử phạt vi phạm hành chính được quy định như thế nào?

Trả lời:

Vi phạm hành chính có thể xảy ra ở nhiều nơi. Cá nhân, tổ chức cư trú hoặc đóng trụ sở ở địa phương này nhưng có thể vi phạm hành chính ở địa phương khác. Để giải quyết thực tế này Điều 71 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có quy định về Chuyển quyết định xử phạt để tổ chức thi hành.

1. Trong trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện vi phạm hành chính ở địa bàn cấp tỉnh này nhưng cư trú, đóng trụ sở ở địa bàn cấp tỉnh khác và không có điều kiện chấp hành quyết định xử phạt tại nơi bị xử phạt thì quyết định xử phạt được chuyển đến cơ quan cùng cấp nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở để tổ chức thi hành; nếu nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở không có cơ quan cùng cấp thì quyết định xử phạt được chuyển đến Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổ chức thi hành.

2. Trong trường hợp vi phạm hành chính xảy ra ở địa bàn cấp huyện này nhưng cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở ở địa bàn cấp huyện khác và thuộc phạm vi một tỉnh ở miền núi, hải đảo, vùng xa xôi, hẻo lánh mà việc đi lại gặp khó

khẩn và cá nhân, tổ chức vi phạm không có điều kiện chấp hành quyết định xử phạt tại nơi bị xử phạt thì quyết định xử phạt được chuyển đến cơ quan cùng cấp nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở để tổ chức thi hành.

3. Cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 71 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có trách nhiệm chuyển toàn bộ hồ sơ, giấy tờ liên quan; tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (nếu có) cho cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để thi hành theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Cá nhân, tổ chức vi phạm có trách nhiệm trả chi phí vận chuyển hồ sơ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Theo quy định trên thì phải có hai căn cứ để chuyển quyết định xử lý vi phạm hành chính để thi hành:

Thứ nhất, cá nhân, tổ chức thực hiện vi phạm hành chính ở địa bàn cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này nhưng lại cư trú hoặc đóng trụ sở ở địa bàn cấp tỉnh, thành phố khác hoặc trường hợp vi phạm hành chính xảy ra ở địa bàn cấp huyện này nhưng cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở ở địa bàn cấp huyện khác thuộc phạm vi một tỉnh ở miền núi, hải đảo, vùng xa xôi, hẻo lánh mà việc đi lại gặp khó khăn. Như

vậy, căn cứ đầu tiên là vấn đề địa lý. Nơi xảy ra vi phạm cách xa nơi chủ thể vi phạm cư trú hoặc đóng trụ sở.

Thứ hai, cá nhân, tổ chức vi phạm không có điều kiện thực hiện quyết định xử phạt tại nơi bị xử phạt. Căn cứ này có tính chất quyết định, vì nếu cá nhân, tổ chức vi phạm có điều kiện chấp hành quyết định xử phạt tại nơi bị xử phạt thì đương nhiên quyết định xử phạt không cần thiết phải chuyển đến nơi chủ thể vi phạm cư trú hoặc đóng trụ sở để thi hành.

Một vấn đề quan trọng khác đó là quyết định xử phạt được chuyển đến cơ quan nào để thi hành. Điều 71 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định: Quyết định xử phạt được chuyển đến cơ quan cùng cấp nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở để tổ chức thi hành; nếu nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở không có cơ quan cùng cấp thì quyết định xử phạt được chuyển đến Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổ chức thi hành.

Ngoài ra, tại khoản 3, Điều 71 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định rõ trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các trường hợp trên là chuyển toàn bộ hồ sơ, giấy tờ liên quan; tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (nếu có) cho cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để thi hành. Cá nhân, tổ chức vi phạm có trách nhiệm trả chi

phí vận chuyển hồ sơ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

So với quy định tại Điều 68 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) Điều 71 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã quy định chi tiết hơn về các trường hợp xử lý vi phạm, cụ thể hơn về cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi hành, bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm và trách nhiệm của cá nhân, tổ chức vi phạm. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan áp dụng pháp luật, bảo đảm hoạt động thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính được thực hiện tốt.

Câu hỏi 55: Những lĩnh vực nào phải công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng việc xử phạt đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 72 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm trong việc công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng việc xử phạt đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong các lĩnh vực về an toàn thực phẩm; chất

lượng sản phẩm, hàng hóa; được; khám bệnh, chữa bệnh; lao động; xây dựng; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo vệ môi trường; thuế; chứng khoán; sở hữu trí tuệ; đo lường; sản xuất, buôn bán hàng giả mà gây hậu quả lớn hoặc gây ảnh hưởng xấu về dư luận xã hội.

Nội dung công bố công khai bao gồm cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính, hành vi vi phạm, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả. Việc công bố công khai được thực hiện trên trang thông tin điện tử hoặc báo của cơ quan quản lý cấp bộ, cấp sở hoặc của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xảy ra vi phạm hành chính.

Điều luật trên liệt kê các lĩnh vực cần phải công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng khi xử phạt các cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính. Và nêu lên điều kiện đủ để công bố công khai đó là các hành vi phi phạm hành chính trong các lĩnh vực trên phải gây ra hậu quả lớn hoặc gây ảnh hưởng xấu về dư luận xã hội.

Đây là một điểm mới của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 về thủ tục thi hành quyết định hành chính so với Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008). Quy định rõ trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong việc công bố thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng, nội dung và cách thức công bố

công khai về việc xử phạt được quy định cụ thể. Góp phần đảm bảo tính công khai, minh bạch trong hoạt động xử phạt vi phạm hành chính. Mặt khác, tạo ra tính răn đe đối với các tổ chức, cá nhân đã vi phạm pháp luật hành chính, và các tổ chức, cá nhân khác hoạt động trong những lĩnh vực trên.

Câu hỏi 56: Khi nào một quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thi hành?

Trả lời:

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thi hành theo thời hạn được quy định tại khoản 1 Điều 73 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, cụ thể là:

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính; trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó.

Đối với trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì vẫn phải chấp hành quyết định xử phạt, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 Luật xử lý vi phạm hành chính

năm 2012 đó là: Trong quá trình giải quyết khiếu nại, khởi kiện nếu xét thấy việc thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính bị khiếu nại, khởi kiện sẽ gây hậu quả khó khắc phục thì người giải quyết khiếu nại, khởi kiện phải ra quyết định tạm đình chỉ việc thi hành quyết định đó theo quy định của pháp luật. Việc khiếu nại, khởi kiện được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Nhìn chung, quy định này tạo điều kiện thuận lợi về mặt thời gian để cá nhân, tổ chức bị xử phạt tự nguyện thi hành quyết định xử phạt. Bởi trên thực tế, có rất nhiều trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt ở ngoài địa phương cư trú hoặc đóng trụ sở hay nhiều trường hợp bị phạt với một khoản tiền rất lớn, do đó cần có thời gian để cá nhân, tổ chức bị xử phạt có thể chuẩn bị tiền nộp phạt. Mặt khác, Luật còn quy định cụ thể về trường hợp thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính bị khiếu nại, khởi kiện.

Bên cạnh đó theo khoản 2 Điều 73 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định:

Người có thẩm quyền xử phạt đã ra quyết định xử phạt có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt của cá nhân, tổ chức bị xử phạt và thông báo kết quả thi hành xong quyết định cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của Bộ Tư pháp, cơ quan tư pháp địa phương.

Quy định trên gắn trách nhiệm của người có thẩm quyền xử phạt từ thời điểm ra quyết định xử phạt đến khi quyết định xử phạt đó được thi hành. Tạo nên tính thống nhất và hiệu quả của quá trình thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Câu hỏi 57: Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là bao lâu?

Trả lời:

Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm, kể từ ngày ra quyết định, quá thời hạn này thì không thi hành quyết định đó nữa, trừ trường hợp quyết định xử phạt có hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thì vẫn phải tịch thu tang vật, phương tiện thuộc loại cấm lưu hành, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp cần thiết để bảo vệ môi trường, bảo đảm giao thông, xây dựng và an ninh trật tự, an toàn xã hội (khoản 1 Điều 74 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012).

Quy định trên nêu rõ khoảng thời gian nhất định để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm, và thời điểm để tính thời hiệu là từ ngày ra quyết định. Nếu quá thời

hiệu thì quyết định không được thi hành nhưng các trường hợp quyết định xử phạt có hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp cần thiết để bảo vệ môi trường, bảo đảm giao thông, xây dựng và an ninh trật tự, an toàn xã hội thì vẫn phải thi hành. Quy định này có ý nghĩa quan trọng trong việc đề cao trách nhiệm của cán bộ, công chức đối với việc thi hành quyết định xử phạt. Mặt khác, quy định cũng nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức liên quan đến việc thi hành quyết định xử phạt để bảo đảm hoạt động bình thường của đời sống, của hoạt động sản xuất - kinh doanh. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2, Điều 74 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn thì thời hiệu nói trên được tính kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, trì hoãn.

Câu hỏi 58: Theo quy định của pháp luật trong trường hợp người bị xử phạt chết, mất tích, tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản thì quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thi hành như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 75 Luật xử lý vi phạm

hành chính năm 2012 thì: Trường hợp người bị xử phạt chết, mất tích, tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản thì không thi hành quyết định phạt tiền nhưng vẫn thi hành hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định.

Đây là một quy định mới của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 so với Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính trước đây. Quy định đã nêu ra cách thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp người bị xử phạt chết, mất tích, tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản.

Câu hỏi 59: Hoãn thi hành Quyết định phạt tiền được đặt ra khi nào?

Trả lời:

Phạt tiền là một trong các hình thức xử phạt chính trong xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, hình thức phạt tiền ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người vi phạm, do đó Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định hoãn thi hành quyết định phạt tiền cá nhân vi phạm hành chính. Đây là quy định tạo điều kiện thuận lợi để người vi phạm tự nguyện thi hành quyết định xử phạt, không bị áp dụng các biện pháp

cưỡng chế để thi hành. Đây cũng thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước ta trong việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.

Điều 76 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định về hoãn thi hành quyết định phạt tiền:

1. Quyết định phạt tiền có thể được hoãn thi hành trong trường hợp cá nhân bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng trở lên đang gặp khó khăn đặc biệt, đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc.

2. Cá nhân phải có đơn đề nghị hoãn chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính gửi cơ quan của người đã ra quyết định xử phạt. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được đơn, người đã ra quyết định xử phạt xem xét quyết định hoãn thi hành quyết định xử phạt đó.

Thời hạn hoãn thi hành quyết định xử phạt không quá 03 tháng, kể từ ngày có quyết định hoãn.

3. Cá nhân được hoãn chấp hành quyết định xử phạt được nhận lại giấy tờ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đang bị tạm giữ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Câu hỏi 60: Đối tượng, thủ tục giảm, miễn tiền phạt được pháp luật hiện hành quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 77 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định:

1. Cá nhân thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 mà không có khả năng thi hành quyết định thì có thể được xem xét giảm, miễn phần còn lại tiền phạt ghi trong quyết định xử phạt.

Dẫn chiếu đến quy định tại khoản 1 Điều 76 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 cho thấy đối tượng có thể được giảm, miễn tiền phạt phải là cá nhân bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng trở lên đang gặp khó khăn đặc biệt, đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc mà không có khả năng thi hành quyết định phạt tiền.

Về thủ tục giảm, miễn tiền phạt, các đối tượng có thể được giảm, miễn tiền phạt phải có đơn đề nghị giảm, miễn phần còn lại hoặc toàn bộ tiền phạt gửi người đã ra quyết định xử phạt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật xử lý vi phạm

hành chính năm 2012 trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được đơn, người đã ra quyết định xử phạt phải chuyển đơn kèm hồ sơ vụ việc đến cấp trên trực tiếp. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được đơn, cấp trên trực tiếp phải xem xét quyết định và thông báo cho người đã ra quyết định xử phạt, người có đơn đề nghị giảm, miễn biết; nếu không đồng ý với việc giảm, miễn thì phải nêu rõ lý do. Đối với trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã ra quyết định xử phạt thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đó xem xét, quyết định việc giảm, miễn tiền phạt.

Điều luật đã phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm của người có thẩm quyền trong hoạt động xử lý vi phạm hành chính. Mặt khác, theo khoản 3 Điều 77 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 cá nhân vi phạm còn được bảo đảm quyền lợi: Cá nhân được giảm, miễn tiền phạt được nhận lại giấy tờ, tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Mục đích nhằm đảm bảo hoạt động xử lý vi phạm hành chính được thực hiện công bằng, công khai, minh bạch.

Câu hỏi 61: Thủ tục nộp tiền phạt trong xử lý vi phạm hành chính được tiến hành như thế nào?

Trả lời:

Trên cơ sở kế thừa quy định về Nơi nộp tiền phạt tại Điều 58 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008). Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định về thủ tục nộp tiền phạt tại Điều 78. Trong đó quy định:

(1) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt, cá nhân, tổ chức bị xử phạt phải nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước được ghi trong quyết định xử phạt.

(2) Tại vùng sâu, vùng xa, biên giới, miền núi mà việc đi lại gặp khó khăn thì cá nhân, tổ chức bị xử phạt có thể nộp tiền phạt cho người có thẩm quyền xử phạt. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm thu tiền phạt tại chỗ và nộp tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày thu tiền phạt.

Trường hợp xử phạt trên biển hoặc ngoài giờ hành chính, người có thẩm quyền xử phạt được thu tiền phạt trực tiếp và phải nộp tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày vào đến bờ hoặc ngày thu tiền phạt.

Bên cạnh đó, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có điểm mới so với Pháp lệnh xử lý

vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008). Đó là so với pháp lệnh trước đây nội dung của luật được bổ sung quy định: Nếu quá thời hạn nộp tiền phạt, cá nhân, tổ chức vi phạm sẽ bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt và cứ mỗi ngày chậm nộp phạt thì cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp thêm 0,05% trên tổng số tiền phạt chưa nộp. Bổ sung quy định tại khoản 3, Điều 78 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012: Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính bị phạt tiền phải nộp tiền phạt một lần trừ trường hợp nộp tiền phạt nhiều lần quy định tại Điều 79 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Mọi trường hợp thu tiền phạt, người thu tiền phạt có trách nhiệm giao chứng từ thu tiền phạt cho cá nhân, tổ chức nộp tiền phạt.

Câu hỏi 62: Điều kiện và thời hạn nộp tiền phạt nhiều lần được pháp luật hiện hành quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012: Việc nộp tiền phạt nhiều lần được áp dụng khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân và từ 200.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức;

b) Đang gặp khó khăn đặc biệt về kinh tế và có đơn đề nghị nộp tiền phạt nhiều lần. Đơn đề nghị của cá nhân phải được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc xác nhận hoàn cảnh khó khăn đặc biệt về kinh tế; đối với đơn đề nghị của tổ chức phải được xác nhận của cơ quan thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp.

Khoản 2 Điều 79 nêu trên quy định thời hạn nộp tiền phạt nhiều lần không quá 06 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực; số lần nộp tiền phạt tối đa không quá 03 lần. Mức nộp phạt lần thứ nhất tối thiểu là 40% tổng số tiền phạt.

Khoản 3 Điều 79 nêu trên quy định: Người đã ra quyết định phạt tiền có quyền quyết định việc nộp tiền phạt nhiều lần. Quyết định về việc nộp tiền phạt nhiều lần phải bằng văn bản.

Câu hỏi 63: Thủ tục tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn thực chất là tước một quyền mà pháp

luật đã trao cho cá nhân, tổ chức, là một hình thức xử phạt được quy định tại Điều 25 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Thủ tục tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn được quy định tại Điều 80 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, theo đó:

- Trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn được ghi trong quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt thu giữ, bảo quản giấy phép, chứng chỉ hành nghề và thông báo ngay cho cơ quan đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó biết. Khi hết thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề ghi trong quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt giao lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề cho cá nhân, tổ chức đã bị tước giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó.

- Trường hợp đình chỉ hoạt động có thời hạn, cá nhân, tổ chức vi phạm phải đình chỉ ngay một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc các hoạt động khác được ghi trong quyết định xử phạt.

- Trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không được tiến hành các hoạt động ghi trong quyết định xử phạt.

- Nếu cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có khả năng thực tế gây hậu quả tới tính mạng, sức khỏe con người, môi trường thì người có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản việc tước giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn cho các cơ quan có liên quan.

- Trường hợp phát hiện giấy phép, chứng chỉ hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái pháp luật thì người có thẩm quyền xử phạt phải tiến hành thu hồi ngay theo thẩm quyền, đồng thời phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó biết; trường hợp không thuộc thẩm quyền thu hồi thì phải báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

Câu hỏi 64: Thủ tục tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Việc tịch thu tang vật, phương tiện có liên quan trực tiếp đến vi phạm hành chính là tước quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với phương tiện, tang vật được sử dụng để vi phạm hành chính. Việc tịch thu được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Mục đích của việc tịch thu là để cá nhân, tổ chức vi phạm không có điều kiện để tiếp tục vi phạm. Theo quy định tại khoản 1, Điều 81 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, khi tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt phải lập biên bản. Trong biên bản phải ghi rõ tên, số lượng, chủng loại, số đăng ký (nếu có), tình trạng, chất lượng của vật, tiền, hàng hoá, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu và phải có chữ ký của người tiến hành tịch thu, người bị xử phạt hoặc đại diện tổ chức bị xử phạt và người chứng kiến; trường hợp người bị xử phạt hoặc đại diện tổ chức bị xử phạt vắng mặt thì phải có hai người chứng kiến. Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cần được niêm phong thì phải niêm phong ngay trước mặt người bị xử phạt, đại diện tổ chức bị xử phạt hoặc người chứng kiến. Việc niêm phong phải được ghi nhận vào biên bản.

Quy định trên nhằm bảo đảm tính khách quan, tính chặt chẽ của việc tịch thu, bảo đảm nguyên trạng về số lượng, chất lượng tang vật, phương tiện vi phạm bị tịch thu tránh bị thất thoát hoặc bị đánh tráo.

Khoản 1, 2 Điều 81 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 còn quy định: Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đang bị tạm giữ, người có thẩm quyền xử phạt thấy tình trạng

tang vật, phương tiện có thay đổi so với thời điểm ra quyết định tạm giữ thì phải lập biên bản về những thay đổi này; biên bản phải có chữ ký của người lập biên bản, người có trách nhiệm tạm giữ và người chứng kiến. Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu phải được quản lý và bảo quản theo quy định của Chính phủ.

Câu hỏi 65: Cách thức, thủ tục và thời hạn xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu được pháp luật hiện hành quy định như thế nào?

Trả lời:

Xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính chỉ được áp dụng trong trường hợp có phương tiện, tang vật bị tịch thu. So với Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008), nội dung Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã có thay đổi, bổ sung quan trọng nhằm bảo đảm việc xử lý tang vật, phương tiện vi phạm bị tịch thu đúng pháp luật, cụ thể hơn, chặt chẽ hơn, triệt để hơn, khách quan hơn. Căn cứ vào tính chất, giá trị sử dụng của tang vật, phương tiện vi phạm bị tịch thu, khoản 1 Điều 82 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định cách thức xử lý tang vật, phương tiện vi phạm với các trường hợp cụ thể sau:

a) Đối với tang vật vi phạm hành chính là tiền Việt Nam, ngoại tệ, chúng chỉ có giá, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý thì phải nộp vào ngân sách nhà nước;

b) Đối với giấy tờ, tài liệu, chúng từ liên quan tới tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thì chuyển cho cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản theo quy định tại điểm d khoản này;

c) Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là ma túy, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, vật có giá trị lịch sử, giá trị văn hoá, bảo vật quốc gia, cổ vật, hàng lâm sản quý hiếm, vật thuộc loại cấm lưu hành và tài sản khác thì chuyển giao cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật;

d) Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã được cấp có thẩm quyền ra quyết định chuyển giao cho cơ quan nhà nước quản lý, sử dụng thì cơ quan đã ra quyết định tịch thu chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính tổ chức chuyển giao cho cơ quan nhà nước quản lý, sử dụng;

đ) Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 82 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì tiến hành thuê tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

ương nơi xảy ra hành vi vi phạm để thực hiện việc bán đấu giá; trường hợp không thuê được tổ chức bán đấu giá thì thành lập hội đồng để bán đấu giá. Việc bán đấu giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá.

e) Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu nhưng không còn giá trị sử dụng hoặc không bán đấu giá được thì cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định tịch thu phải lập hội đồng xử lý gồm đại diện các cơ quan nhà nước hữu quan. Việc xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu phải được lập thành biên bản có chữ ký của các thành viên hội đồng xử lý. Phương thức, trình tự, thủ tục xử lý tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Từ đây có thể thấy được tính cụ thể, chặt chẽ và khoa học mà Điều luật nhằm bảo đảm mọi trường hợp tang vật, phương tiện bị tịch thu đều được xử lý một cách triệt để.

Về thủ tục xử lý đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu được quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Cụ thể là:

a) Đối với các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 82 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì cơ quan quyết

định tịch thu lập biên bản nộp, chuyển giao tang vật, phương tiện. Việc bàn giao và tiếp nhận các tang vật, phương tiện vi phạm hành chính theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 82 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 phải được tiến hành theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

b) Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 82 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá khi làm thủ tục chuyển giao được xác định theo Điều 60 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Trường hợp giá trị của tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã được xác định có sự thay đổi tại thời điểm chuyển giao thì cơ quan ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quyết định thành lập hội đồng để định giá tài sản trước khi làm thủ tục chuyển giao. Thành phần Hội đồng định giá theo quy định tại khoản 3 Điều 60 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Về thời hạn xử lý là 30 ngày kể từ ngày có quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, cơ quan có thẩm quyền phải xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 82 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Quá thời hạn này mà không thực hiện thì cơ quan có thẩm quyền phải chịu trách nhiệm trước pháp luật

(khoản 3, Điều 82 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012).

Một vấn đề liên quan đến việc bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm là chi phí lưu kho, phí bến bãi. Vấn đề này được quy định tại khoản 4, Điều 82 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012: Chi phí lưu kho, phí bến bãi, phí bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, phí bán đấu giá và chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật được trừ vào tiền bán tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu.

Tiền thu được từ bán đấu giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, sau khi trừ các chi phí theo quy định tại khoản này và phù hợp với quy định của pháp luật, phải được nộp vào ngân sách nhà nước.

Câu hỏi 66: Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, chứng từ thu, nộp tiền phạt được quản lý như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 83 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012:

1. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính gồm tiền nộp phạt vi phạm hành chính; tiền nộp do chậm thi hành quyết định xử phạt tiền; tiền

bán, thanh lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu và các khoản tiền khác.

2. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính phải nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước và được quản lý, sử dụng theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Chứng từ thu, nộp tiền phạt được quản lý theo quy định của Chính phủ.

Câu hỏi 67: Theo quy định pháp luật hiện hành, biện pháp khắc phục hậu quả trong xử lý vi phạm hành chính được thi hành như thế nào?

Trả lời:

Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã quy định:

Thời hạn thi hành biện pháp khắc phục hậu quả được thực hiện theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc trong quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo khoản 2 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính có trách nhiệm thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định theo quy định của pháp luật và phải chịu mọi chi phí cho việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đó.

Người có thẩm quyền ra quyết định có trách

nhiệm theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do cá nhân, tổ chức thực hiện.

Nội dung trên đã quy định rõ trách nhiệm của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính cũng như tránh nhiệm của người có thẩm quyền trong việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả.

Trong trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 hoặc cá nhân chết, mất tích hoặc tổ chức bị giải thể, phá sản mà không có tổ chức nào tiếp nhận chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 75 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì cơ quan nơi người có thẩm quyền xử phạt đang thụ lý hồ sơ vụ vi phạm hành chính phải tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Chi phí cho việc tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt ra quyết định thực hiện được lấy từ nguồn ngân sách dự phòng cấp cho cơ quan đó.

Quy định trên bảo đảm cho biện pháp khắc phục hậu quả được thi hành trong mọi trường hợp. Nhằm mục đích khắc phục triệt để những hậu quả do vi phạm hành chính gây ra. Mặt khác, trong trường hợp khẩn cấp, cần khắc phục

ngay hậu quả để kịp thời bảo vệ môi trường, bảo đảm giao thông thì cơ quan nơi người có thẩm quyền xử phạt đang thụ lý hồ sơ vụ vi phạm hành chính tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, nếu không hoàn trả thì bị cưỡng chế thực hiện. Điều này nhằm bảo đảm lợi ích cộng đồng, bảo đảm hoạt động bình thường của xã hội không bị ảnh hưởng, thể hiện tính kiên quyết và triệt để trong xử lý vi phạm hành chính.

Câu hỏi 68: Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đặt ra khi nào? Có những biện pháp cưỡng chế nào?

Trả lời:

Cưỡng chế được coi là hậu quả tất yếu để bảo đảm tính nghiêm minh và công bằng của pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 86 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012: Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt được áp dụng trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt theo quy định tại Điều 73 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Các biện pháp cưỡng chế được quy định tại

khoản 2 Điều 86 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 bao gồm:

a) Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản của cá nhân, tổ chức vi phạm;

b) Kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá;

c) Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do cá nhân, tổ chức khác đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản.

d) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Câu hỏi 69: Theo quy định của pháp luật hiện hành chủ thể nào có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì những người sau có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp;

b) Trưởng đồn Công an, Trưởng Công an cấp huyện, Giám đốc Sở Cảnh sát Phòng cháy, chữa

cháy, Giám đốc Công an cấp tỉnh, Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục An ninh văn hóa, tư tưởng, Cục trưởng Cục An ninh thông tin, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt, Cục trưởng Cục Cảnh sát đường thủy, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn, Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Cục trưởng Cục Cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao;

c) Trưởng Đoàn biên phòng, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng Cửa khẩu cảng, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh, Chỉ huy trưởng Hải đoàn biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng; Chỉ huy trưởng Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Cảnh sát biển;

d) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Điều tra chống

buôn lậu thuộc Tổng cục Hải quan, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

đ) Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Cục trưởng Cục Kiểm lâm;

e) Chi cục trưởng Chi cục Thuế, Cục trưởng Cục Thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế;

g) Chi Cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường, Cục trưởng Cục Quản lý thị trường;

h) Cục trưởng Cục Quản lý lao động ngoài nước; người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài;

i) Chánh Thanh tra sở, Chánh Thanh tra Cục Hàng không, Chánh Thanh tra Cục Hàng hải, Chánh thanh tra Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Chánh thanh tra Ủy ban chứng khoán Nhà nước; Chi cục trưởng Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Chi cục trưởng Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình thuộc Sở Y tế, Chi cục trưởng Chi cục về bảo vệ thực vật, thú y, thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, thủy lợi, đê điều, lâm nghiệp, phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Trung tâm Tần số khu vực và các chức danh tương đương được Chính phủ giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành; Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực, Cục trưởng Cục Thống kê, Cục trưởng Cục kiểm soát ô nhiễm,

Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các chức danh tương đương được Chính phủ giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành; Chánh Thanh tra Bộ, cơ quan ngang Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản, Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường, Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai, Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Tổng cục trưởng Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Trưởng Ban Tôn giáo Chính phủ, Cục trưởng Cục Hóa chất, Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và môi trường công nghiệp, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Cục trưởng Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Cục trưởng Cục Thú y, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Cục trưởng Cục Trồng trọt, Cục

trưởng Cục Chăn nuôi, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, Cục trưởng Cục Chế biến, thương mại nông lâm thủy sản và nghề muối, Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện, Cục trưởng Cục Viễn thông, Cục trưởng Cục Quản lý phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Cục trưởng Cục Báo chí, Cục trưởng Cục Xuất bản, Cục trưởng Cục Quản lý dược, Cục trưởng Cục Quản lý khám, chữa bệnh, Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế, Cục trưởng Cục Y tế dự phòng, Cục trưởng Cục An toàn vệ sinh thực phẩm và các chức danh tương đương được Chính phủ giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

k) Giám đốc Cảng vụ hàng hải, Giám đốc Cảng vụ đường thủy nội địa, Giám đốc Cảng vụ hàng không;

l) Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự khu vực, Chánh án Tòa án quân sự quân khu và tương đương, Chánh toà chuyên trách Tòa án nhân dân tối cao; Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự, Trưởng phòng Phòng Thi hành án cấp quân khu, Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự.

2) Theo khoản 2 Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì, người có thẩm quyền cưỡng chế quy định tại khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có thể giao quyền cho cấp phó. Việc giao quyền chỉ được thực hiện khi cấp trưởng vắng mặt và phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn được giao quyền. Cấp phó được giao quyền phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước cấp trưởng và trước pháp luật. Người được giao quyền không được giao quyền, ủy quyền tiếp cho bất kỳ cá nhân nào khác.

Câu hỏi 70: Theo quy định của pháp luật hiện hành, quyết định cưỡng chế trong xử lý vi phạm hành chính được thi hành như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 88 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012:

1. Người ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm gửi ngay quyết định cưỡng chế cho các cá nhân, tổ chức liên quan và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt của mình và của cấp dưới.

2. Cá nhân, tổ chức nhận được quyết định cưỡng chế phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết

định cưỡng chế và phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế.

3. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc phối hợp thi hành quyết định cưỡng chế:

a) Cá nhân, tổ chức liên quan có nghĩa vụ phối hợp với người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế triển khai các biện pháp nhằm thực hiện các quyết định cưỡng chế;

b) Lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc quyết định cưỡng chế của các cơ quan nhà nước khác khi được yêu cầu;

c) Tổ chức tín dụng nơi cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế thi hành mở tài khoản phải giữ lại trong tài khoản của cá nhân, tổ chức đó số tiền tương đương với số tiền mà cá nhân, tổ chức phải nộp theo yêu cầu của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế. Trường hợp số dư trong tài khoản tiền gửi ít hơn số tiền mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải nộp thì tổ chức tín dụng vẫn phải giữ lại và trích chuyển số tiền đó. Trong thời hạn 05 ngày làm việc trước khi trích chuyển, tổ chức tín dụng có trách nhiệm thông báo cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế biết việc trích chuyển; việc trích chuyển không cần sự đồng ý của họ.

Quy định trên thể hiện tính khoa học hơn,

hợp lý hơn vì phù hợp với nguyên tắc quản lý nhà nước theo ngành, theo lĩnh vực ở nước ta. Bảo đảm tính công khai, minh bạch và hiệu quả của công tác cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Câu hỏi 71: Phần áp dụng các biện pháp xử lý hành chính trong Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có những nội dung và điểm mới nào?

Trả lời:

Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 kế thừa quy định 4 biện pháp xử lý hành chính đã được quy định trong Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008), đó là biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng; biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trong đó, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định cụ thể về đối tượng áp dụng của từng biện pháp; thời hạn áp dụng của từng biện pháp (từ Điều 89 đến Điều 96 - Chương I, Phần thứ ba); thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính (từ Điều 97 đến Điều 104 - Chương II, Phần thứ ba); thẩm quyền, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý

hành chính (Điều 105 và Điều 106 - Chương III, Phần thứ ba); thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính (từ Điều 107 đến Điều 114 - Chương IV, Phần thứ ba) và các quy định khác liên quan đến việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính (từ Điều 115 đến Điều 118 - Chương V, Phần thứ ba).

Có thể thấy, các biện pháp nêu trên là những biện pháp cưỡng chế nhà nước, nếu được áp dụng sẽ làm hạn chế quyền tự do của đối tượng bị áp dụng biện pháp, đặc biệt là các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng; biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Chính vì vậy, nội dung của các biện pháp trong Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có sự thay đổi khá lớn về đối tượng áp dụng, thủ tục áp dụng, thẩm quyền quyết định áp dụng..., để khắc phục những hạn chế, bất cập của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008); tăng cường công khai, minh bạch, dân chủ, bảo đảm cho người bị xem xét, áp dụng biện pháp xử lý hành chính và đại diện hợp pháp của họ có cơ hội được giải thích, biện hộ cho vụ việc của mình. Những nội dung có sự thay đổi lớn đó là:

- Về thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp: Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định chuyển thẩm quyền xem xét, quyết

định áp dụng biện pháp xử lý hành chính từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân sang Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (khoản 2 Điều 105). Đây là nội dung thay đổi rất lớn so với Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) thể hiện xu hướng tiến bộ, dân chủ, thực hiện đúng tinh thần *“các cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người”* đã được khẳng định tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

- Về thủ tục lập hồ sơ đề nghị xem xét quyết định áp dụng biện pháp: Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng không thành lập Hội đồng tư vấn như Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008). Hồ sơ sau khi được lập sẽ được gửi đến Trưởng phòng tư pháp cấp huyện để kiểm tra tính pháp lý trước khi Trưởng Công an cùng cấp hoặc Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chuyển đến Tòa án nhân dân xem xét quyết định áp dụng biện pháp; Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 cũng quy định rõ hồ sơ được lập; ghi nhận sự tham gia của đối tượng,

người đại diện hợp pháp của họ tham gia quá trình lập hồ sơ như quyền đọc hồ sơ và ghi chép những nội dung cần thiết...

+ Đối với biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định và giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định áp dụng biện pháp này, có bổ sung các quy định để bảo đảm quy trình thực hiện minh bạch, dân chủ hơn. Cụ thể như quy định rõ về việc lập hồ sơ; ghi nhận sự tham gia của đối tượng và người đại diện hợp pháp của họ trong quá trình xem xét quyết định áp dụng biện pháp như quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết (khoản 4 Điều 97 Luật này); bổ sung trách nhiệm của công chức tư pháp - hộ tịch trong việc kiểm tra hồ sơ và tổ chức cuộc họp tư vấn; quy định về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, người được phân công giúp đỡ đối tượng; quy định về khoản kinh phí hỗ trợ cho việc quản lý, giúp đỡ, giáo dục đối tượng...

Riêng về đối tượng áp dụng biện pháp quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, so với Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) có sự thay đổi theo hướng hạn chế áp dụng biện pháp đối với người chưa thành niên từ đủ 12 đến dưới 14 tuổi; bỏ đối tượng là người bán dâm có tính chất thường xuyên từ đủ 14 tuổi trở lên có

nơi cư trú nhất định; chuyển đổi tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng là “người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật hình sự hiện hành” về để hạn chế tối đa việc tước quyền tự do và tách trẻ em ra khỏi môi trường gia đình, xã hội.

+ Đối với đối tượng bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc (tiền thân là biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh áp dụng đối với 02 loại đối tượng là người nghiện ma túy, người bán dâm có tính chất thường xuyên), do Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã bỏ đối tượng là người bán dâm có tính chất thường xuyên nên biện pháp này theo quy định của Luật này chỉ áp dụng đối với người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú ổn định (khoản 1 Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012).

Riêng đối với người bán dâm, việc đưa người bán dâm vào cơ sở chữa bệnh là không đúng với bản chất, tên gọi của biện pháp xử lý. Việc áp dụng biện pháp này đối với người bán dâm là quá nghiêm khắc, không phù hợp với tính chất, mức độ vi phạm và không bảo đảm sự công bằng trong chính sách xử lý. Hành vi của người bán

dâm chưa đến mức phải áp dụng biện pháp hạn chế quyền tự do mà chỉ cần phạt tiền như đối với người mua dâm theo quy định của Pháp lệnh phòng, chống mại dâm năm 2003 là phù hợp. Thực tế thời gian qua cho thấy, việc áp dụng biện pháp này gây tổn kém cho ngân sách Nhà nước mà hiệu quả mang lại không cao. Mặt khác, những người bán dâm tuy có vi phạm pháp luật, nhưng xét về yếu tố xã hội thì đa số lại là nạn nhân. Vì vậy, bỏ quy định đưa người bán dâm vào cơ sở chữa bệnh là sự đổi mới trong thái độ đối xử với người bán dâm, phù hợp với tính chất của hiện tượng xã hội này. Để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của việc không đưa người bán dâm vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc, Chính phủ thông qua các giải pháp kinh tế - xã hội, chương trình quốc gia về dạy nghề, vay vốn, tạo công ăn việc làm, tạo điều kiện, giúp đỡ để các đối tượng này có việc làm, có thu nhập ổn định, hoà nhập cộng đồng; tăng cường thực hiện mạnh mẽ các chương trình phòng, chống HIV/AIDS và chống các bệnh lây lan qua đường tình dục...

Câu hỏi 72: Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định trong Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nhằm mục đích gì? Thời hạn áp dụng biện pháp này là bao lâu?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1, Điều 89 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì, giáo dục tại xã, phường, thị trấn là biện pháp xử lý hành chính áp dụng với những người vi phạm pháp luật (được quy định tại Điều 90 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012) để giáo dục, quản lý họ tại nơi cư trú trong trường hợp nhận thấy không cần thiết phải cách ly họ khỏi cộng đồng. Điều này vẫn giúp họ biết tôn trọng pháp luật và các quy tắc sống trong cộng đồng và trở thành công dân có ích cho xã hội. Đồng thời, biện pháp này cũng tạo điều kiện để các cấp chính quyền cơ sở phát huy tính tích cực, sáng tạo trong việc phối hợp với các cơ quan, tổ chức, gia đình để giáo dục người vi phạm pháp luật ngay tại cộng đồng cư dân.

Khoản 2, Điều 89 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn từ 03 tháng đến 06 tháng. Thực tiễn cho thấy, khoảng thời gian trên là vừa đủ để chính quyền, cộng đồng dân cư và gia đình phối hợp giáo dục những đối tượng vi phạm pháp luật.

Câu hỏi 73: Pháp luật hiện hành về xử lý vi phạm hành chính quy định những đối

tượng nào áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 90 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, đối tượng áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn bao gồm:

1. Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật hình sự.

2. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật hình sự.

3. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi 02 lần trở lên trong 06 tháng có hành vi trộm cắp, lừa đảo, đánh bạc, gây rối trật tự công cộng mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên có nơi cư trú ổn định.

5. Người từ đủ 18 tuổi trở lên thực hiện hành vi xâm phạm tài sản của cơ quan, tổ chức; tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân hoặc người nước ngoài; vi phạm trật tự, an toàn xã hội 02 lần trở lên trong 06 tháng nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Những người quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 90 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 mà không có nơi cư trú ổn định thì được

giao cho cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em để quản lý, giáo dục trong thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

So với Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008), Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có sự thay đổi khá lớn về đối tượng áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo hướng hạn chế áp dụng biện pháp này đối với người chưa thành niên từ đủ 12 đến dưới 14 tuổi. Có thể thấy, tại điểm a khoản 2, Điều 23 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) quy định về đối tượng áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn là người từ đủ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm nghiêm trọng do cố ý tại Bộ luật hình sự. Như vậy, ví dụ một người 13 tuổi thực hiện một hành vi có dấu hiệu của một tội phạm nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật hình sự. Nếu như trước đây áp dụng Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) thì người này thuộc đối tượng áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Hiện nay, với Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì người vi phạm trên không thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Câu hỏi 74: Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng được pháp luật hiện hành quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 91 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định rõ: *đưa vào trường giáo dưỡng* là biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với người có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại Điều 92 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nhằm mục đích giúp họ học văn hóa, học nghề, lao động, sinh hoạt dưới sự quản lý, giáo dục của nhà trường.

Theo quy định tại Điều 92 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng bao gồm bốn nhóm sau:

Nhóm thứ nhất, những người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật hình sự.

Nhóm thứ hai, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý quy định tại Bộ luật hình sự.

Nhóm thứ ba, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật

hình sự mà trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Nhóm thứ tư, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi 02 lần trở lên trong 06 tháng thực hiện hành vi trộm cắp, lừa đảo, đánh bạc, gây rối trật tự công cộng mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Thời hạn áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng từ 06 tháng đến 24 tháng.

Tương tự như biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có điểm thay đổi về đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng so với Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) theo hướng hạn chế áp dụng biện pháp này đối với người chưa thành niên từ đủ 12 đến dưới 14 tuổi nhằm mục đích hạn chế tối đa việc tước quyền tự do và tách trẻ em ra khỏi môi trường gia đình, xã hội.

Ngoài ra tại khoản 5 Điều 92 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 còn quy định các trường hợp không áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng:

a) Người không có năng lực trách nhiệm hành chính;

b) Người đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện;

c) Phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

Đây là một điểm mới và cũng là một điểm thể hiện tính nhân đạo của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Thể hiện chính sách nhất quán giữa pháp luật hình sự và pháp luật hành chính của Nhà nước đối với những đối tượng nêu trên.

Câu hỏi 75: Biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc nhằm mục đích gì? Thời hạn áp dụng biện pháp trên là bao lâu?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 93 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã nêu rõ: Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc là biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với người có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại Điều 94 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 để lao động, học văn hoá, học nghề, sinh hoạt dưới sự quản lý của cơ sở giáo dục bắt buộc.

Mục đích áp dụng biện pháp này trước hết là nhằm giáo dục người vi phạm thông qua việc tổ chức lao động, học văn hóa, học nghề, sinh hoạt cho đối tượng vi phạm pháp luật dưới sự kiểm soát, quản lý của cơ sở giáo dục.

Khoản 2, Điều 93 Luật xử lý vi phạm hành

chính năm 2012 quy định: Thời hạn áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc từ 06 tháng đến 24 tháng. Thời hạn này là thích hợp để giáo dục các đối tượng thực hiện bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục.

Câu hỏi 76: Những đối tượng nào thì áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 94 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì, đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc là người thực hiện hành vi xâm phạm tài sản của tổ chức trong nước hoặc nước ngoài; tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân, của người nước ngoài; vi phạm trật tự, an toàn xã hội 02 lần trở lên trong 06 tháng nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú ổn định.

Cũng theo quy định tại Điều 94 nêu trên thì, không áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với các trường hợp sau đây:

a) Người không có năng lực trách nhiệm hành chính;

- b) Người chưa đủ 18 tuổi;
- c) Nữ trên 55 tuổi, nam trên 60 tuổi;
- d) Người đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện;
- đ) Phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

Có thể thấy đối tượng áp dụng là những người từ đủ 18 tuổi đến 55 tuổi đối với nữ và 60 tuổi đối với nam. Hành vi vi phạm: xâm phạm tài sản của tổ chức trong nước hoặc nước ngoài; tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân, của người nước ngoài; vi phạm trật tự, an toàn xã hội 02 lần trở lên trong 06 tháng nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú ổn định.

Đây là những quy định rất rõ ràng, cụ thể có tác dụng phòng ngừa đối với người vi phạm pháp luật thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Câu hỏi 77: Biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhằm mục đích gì? Thời hạn áp dụng biện pháp này là bao lâu?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1, Điều 95 Luật xử

lý vi phạm hành chính năm 2012 thì, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với người có hành vi vi phạm quy định tại Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 để chữa bệnh, lao động, học văn hóa, học nghề dưới sự quản lý của cơ sở cai nghiện bắt buộc. Đây là một biện pháp thể hiện tính ưu việt của chế độ và tính nhân đạo của pháp luật tạo điều kiện cho người nghiện ma túy được chữa bệnh, lao động, học tập để trở thành người có ích cho xã hội.

Theo khoản 2, Điều 95 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì, thời hạn áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ 12 tháng đến 24 tháng. Đây là một khoảng thời gian thích hợp đủ để các đối tượng nghiện ma túy lao động, học văn hóa, học nghề một cách có hiệu quả.

Trước đây, việc xử lý người nghiện ma túy trước, trong Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) được gộp chung xử lý cùng với người bán dâm có tính chất thường xuyên theo quy định tại Điều 26 về biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh. Hiện nay, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thay thế biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh trước đây bằng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và chỉ áp dụng đối với người

nghiện ma túy. Quy định này thể hiện cái nhìn mới của các nhà làm luật khi không tiếp tục coi nghiện ma túy là một bệnh.

Câu hỏi 78: Pháp luật hiện hành quy định đối tượng nào áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì, đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú ổn định.

Khoản 2 Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định: Không áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với các trường hợp sau đây:

a) Người không có năng lực trách nhiệm hành chính;

b) Người đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện;

c) Phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

Có thể thấy đối tượng áp dụng biện pháp

trên là người nghiện ma túy với độ tuổi tối thiểu là đủ 18 tuổi để phù hợp với quy định của Luật phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008) và không khống chế độ tuổi tối đa.

Câu hỏi 79: Thẩm quyền và thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được pháp luật hiện hành quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 97 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định về thẩm quyền và thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Theo đó: Trưởng Công an cấp xã nơi người vi phạm thuộc đối tượng áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn (quy định tại Điều 90 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012) cư trú hoặc nơi họ có hành vi vi phạm pháp luật tự mình hoặc theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã hoặc đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị dân cư ở cơ sở lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn (khoản 1 Điều 97 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012).

Trong trường hợp người vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi

phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn (quy định tại Điều 90 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012) thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người đó (khoản 2 Điều 97 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012).

Về Hồ sơ đề nghị gồm có: bản tóm tắt lý lịch, tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó, bệnh án (nếu có), bản tường trình của người vi phạm và các tài liệu khác có liên quan. Đối với người chưa thành niên bị xem xét áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thì hồ sơ phải có nhận xét của nhà trường, cơ quan, tổ chức nơi người chưa thành niên đang học tập, làm việc (nếu có), ý kiến của cha mẹ hoặc người giám hộ (khoản 3 Điều 97 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012).

Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan đã lập hồ sơ phải gửi cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, đồng thời thông báo cho người bị áp dụng. Đối với người chưa thành niên thì còn được thông báo cho cha mẹ hoặc người giám hộ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được

thông báo (khoản 4 Điều 97 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012).

So với Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có bổ sung các quy định để bảo đảm quy trình thực hiện minh bạch, dân chủ hơn. Cụ thể là quy định rõ về việc lập hồ sơ; ghi nhận sự tham gia của đối tượng và người đại diện hợp pháp của họ trong quá trình xem xét quyết định áp dụng biện pháp như quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết.

Câu hỏi 80: Thủ tục ban hành và nội dung của quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Một điểm mới của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đó là bổ sung trách nhiệm của công chức tư pháp - hộ tịch trong việc kiểm tra hồ sơ và tổ chức cuộc họp tư vấn. Cụ thể tại khoản 1 Điều 98 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao công chức tư pháp -

hộ tịch kiểm tra hồ sơ và tổ chức cuộc họp tư vấn.

Trước khi quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì cuộc họp tư vấn với sự tham gia của Trưởng Công an cấp xã, công chức tư pháp - hộ tịch, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số tổ chức xã hội cùng cấp có liên quan, đại diện dân cư ở cơ sở. Người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ phải được mời tham gia cuộc họp và phát biểu ý kiến của mình về việc áp dụng biện pháp (khoản 1 Điều 98 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012). Việc tổ chức cuộc họp nhằm tham khảo ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; đánh giá tính chất, mức độ của hành vi vi phạm của người bị đề nghị áp dụng biện pháp này; xác định sự cần thiết áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người đó.

Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp tư vấn quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Tùy từng đối tượng mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao người được giáo dục cho cơ quan, tổ chức, gia đình quản lý, giáo dục; nếu đối tượng không có nơi cư trú ổn định

thì giao cho cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em để quản lý, giáo dục (khoản 2 Điều 98 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012).

Về nội dung của quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được quy định tại khoản 3 Điều 98 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012: Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ, tên, chức vụ của người ra quyết định; họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người được giáo dục; hành vi vi phạm pháp luật của người đó; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng; thời hạn áp dụng; ngày thi hành quyết định; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình được giao giáo dục, quản lý người được giáo dục; quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Như vậy, quyết định phải bằng văn bản và bao gồm đầy đủ các nội dung nêu trên để bảo đảm thi hành biện pháp giáo dục được đúng pháp luật, đồng thời, đó cũng là yêu cầu bảo đảm cho quyết định này hợp pháp. Nếu thiếu một trong các hình thức, nội dung đã quy định thì quyết định đó có thể trở thành không hợp pháp. Nhằm bảo đảm trách nhiệm của các cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan và tính khả thi của quyết định.

Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có hiệu lực kể từ ngày ký và

phải được gửi ngay cho người được giáo dục, gia đình người đó, Hội đồng nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan. Hồ sơ về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ (khoản 4, 5 Điều 98 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012).

Câu hỏi 81: Thẩm quyền và thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã lập hoặc cơ quan Công an đang thụ lý lập gửi đến Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện. Sau khi kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ trong thời gian luật định, Trưởng phòng Tư pháp huyện gửi hồ sơ cho Trưởng Công an cùng cấp. Đây là một điểm mới của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Luật quy định theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng không thành lập Hội đồng tư vấn như Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008). Cụ thể về Thẩm quyền và thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào

trường giáo dưỡng được quy định tại Điều 99 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012:

1. Việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với đối tượng quy định tại Điều 92 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được thực hiện như sau:

a) Đối với người chưa thành niên vi phạm có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người vi phạm; biện pháp giáo dục đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm, ý kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ, ý kiến của nhà trường, cơ quan, tổ chức nơi người chưa thành niên đang học tập hoặc làm việc (nếu có) và các tài liệu khác có liên quan;

b) Đối với người chưa thành niên vi phạm không có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

Hồ sơ đề nghị gồm có biên bản vi phạm; bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; bản trích lục tiền án, tiền sự; biện pháp giáo dục đã áp dụng (nếu có); bản tường trình của người vi phạm, ý kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ;

c) Cơ quan Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

2. Trong trường hợp người chưa thành niên vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào trường giáo dưỡng theo quy định tại Điều 92 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với người đó.

Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; biện pháp giáo dục đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm, ý kiến của cha mẹ hoặc của người đại diện hợp pháp của họ.

3. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 99 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, cơ quan đã lập hồ sơ phải thông báo cho người bị đề nghị áp dụng, cha mẹ hoặc người đại diện của họ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo.

Sau khi người bị áp dụng, cha mẹ hoặc người đại diện của họ đọc xong hồ sơ thì hồ sơ được gửi cho Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ và gửi Trưởng Công an cùng cấp.

Câu hỏi 82: Thẩm quyền và thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Tương tự như quy định về thẩm quyền và thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã lập hoặc cơ quan Công an đang thụ lý lập gửi đến Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện. Sau khi kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ trong thời gian luật định, Trưởng phòng Tư pháp huyện gửi hồ sơ cho Trưởng Công an cùng cấp.

Cụ thể, Điều 101 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định:

1. Việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với đối tượng

quy định tại Điều 94 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được thực hiện như sau:

a) Đối với người vi phạm có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ và các tài liệu khác có liên quan;

b) Đối với người không cư trú tại nơi có hành vi vi phạm pháp luật thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải xác minh; trường hợp xác định được nơi cư trú thì có trách nhiệm chuyển người đó kèm theo biên bản vi phạm về địa phương để xử lý; trường hợp không xác định được nơi cư trú của người đó thì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc hồ sơ đề nghị gồm có biên bản vi phạm; bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; bản trích lục tiền án, tiền sự; biện pháp giáo dục đã áp dụng (nếu có); bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ;

c) Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài

liệu và lập hồ sơ đề nghị quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 94 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

2. Trường hợp người vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định tại Điều 94 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với người đó.

Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ.

3. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 94 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, cơ quan đã lập hồ sơ phải thông báo cho người bị đề nghị áp dụng hoặc người đại diện của họ về việc lập hồ sơ. Những người này được quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Sau khi người bị áp dụng hoặc người đại diện của họ đọc

xong hồ sơ thì hồ sơ được gửi cho Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ và chuyển Trưởng Công an cùng cấp.

Câu hỏi 83: Thủ tục và thẩm quyền áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng cũng như áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc được quy định như thế nào?

Trả lời:

Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định chuyển thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân sang Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Đây cũng là nội dung thay đổi rất lớn so với Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) thể hiện xu hướng tiến bộ, dân chủ, thực hiện đúng tinh thần “*các cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người*” đã được khẳng định tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2-6-2005 về Chiến lược cải cách tư pháp.

Cụ thể, Điều 100 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định về việc: Xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng như sau:

1. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại Điều 99 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Trưởng Công an cấp huyện xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì chuyển lại cơ quan đã lập hồ sơ để tiếp tục thu thập tài liệu bổ sung hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng bao gồm:

a) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng quy định tại Điều 99 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

b) Văn bản của Trưởng Công an cấp huyện về việc đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

3. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Việc xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc được quy

định tại khoản 1 Điều 102 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 như sau:

1. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại Điều 101 và Điều 118 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Trưởng Công an cấp huyện quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì chuyển lại cơ quan đã lập hồ sơ tiếp tục thu thập tài liệu bổ sung hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc bao gồm:

a) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc quy định tại Điều 101 và Điều 118 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

b) Văn bản của Trưởng Công an cấp huyện về việc đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Câu hỏi 84: Thẩm quyền và thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Tương tự như các biện pháp khác việc lập hồ

sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã lập hoặc Cơ quan Công an đang thụ lý lập gửi đến Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện. Nhưng có một điểm khác so với các biện pháp khác là Trưởng phòng Tư pháp huyện sau khi kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ trong thời gian luật định sẽ gửi hồ sơ đến Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cùng cấp.

Cụ thể Điều 103 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định:

1. Việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy quy định tại Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được thực hiện như sau:

a) Đối với người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó; tài liệu chứng minh người đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi nghiện ma túy; bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ và các tài liệu khác có liên quan;

b) Đối với người nghiện ma túy không cư trú

tại nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải xác minh; trường hợp xác định được nơi cư trú thì có trách nhiệm chuyển người đó kèm theo biên bản vi phạm về địa phương để xử lý; trường hợp không xác định được nơi cư trú của người đó thì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Hồ sơ đề nghị gồm có biên bản vi phạm; bản tóm tắt lý lịch; tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó; tài liệu chứng minh người đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi nghiện ma túy; bản tường trình của người nghiện ma túy;

c) Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

2. Trường hợp người nghiện ma túy vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện hoặc cơ quan Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập

hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người đó.

Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó; tài liệu chứng minh người đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi nghiện ma túy; bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ.

3. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, cơ quan đã lập hồ sơ phải thông báo cho người bị đề nghị áp dụng hoặc người đại diện của họ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Sau khi người bị áp dụng hoặc người đại diện hợp pháp của họ đọc xong hồ sơ thì hồ sơ được gửi cho Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ gửi Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cùng cấp.

Câu hỏi 85: Theo quy định của pháp luật hiện hành thủ tục xem xét, quyết định việc

áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Điều 104 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định về vấn đề này như sau:

1. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì giao cơ quan đã lập hồ sơ để tiếp tục thu thập tài liệu bổ sung hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bao gồm:

a) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Văn bản của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện về việc đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Câu hỏi 86: Pháp luật quy định tổ chức, cá nhân nào có thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý hành chính?

Trả lời:

Điều 105 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý hành chính thuộc về Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Tòa án nhân dân cấp huyện. Tuy nhiên, thẩm quyền của hai chủ thể này được phân định khác nhau, cụ thể: Việc quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong khi đó, Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Quy định trên đây là một điểm mới của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 so với Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008). Trước đây, việc quyết định áp dụng cả bốn biện pháp: giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đều thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Tuy nhiên, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã chuyển thẩm quyền quyết định ba trên tổng số bốn biện pháp

xử lý hành chính sang cho Tòa án nhân dân cấp huyện. Quy định mới này đảm bảo tốt hơn quyền của người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính và góp phần nội luật hóa các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

Trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc áp dụng các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định (Điều 106, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012).

Câu hỏi 87: Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc để thi hành được gửi đến cho những ai, cách thức như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 107 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, các quyết định về việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính nêu trên phải được gửi tới những người sau: người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, đối với trường hợp bị đưa vào trường giáo dưỡng thì quyết định này còn phải được gửi cho cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp; Trưởng Công an cấp huyện và Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp

huyện nơi đã gửi hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú và các cơ quan hữu quan.

Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phải được Tòa án nhân dân đã ra quyết định gửi cho những người trên trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

Câu hỏi 88: Vấn đề thời hiệu thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính được quy định như thế nào?

Trả lời:

Thời hiệu thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính được quy định tại Điều 108 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Theo quy định của Điều 108 nêu trên thì hiện có hai thời hiệu khác nhau đối với các biện pháp xử lý hành chính: thời hiệu 06 tháng đối với thi hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng; thời hiệu 01 năm đối với thi hành việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Thời hiệu trên đều được tính kể từ ngày quyết

định xử áp dụng biện pháp xử lý hành chính có hiệu lực pháp luật.

Điều luật này cũng có quy định về những trường hợp người phải chấp hành quyết định cố tình trốn tránh việc thi hành, thì các thời hiệu nêu trên được tính kể từ thời điểm hành vi trốn tránh chấm dứt.

Câu hỏi 89: Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được tổ chức thi hành như thế nào?

Trả lời:

Việc tổ chức thi hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được thực hiện theo quy định tại Điều 109 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Theo quy định thì, cơ quan, tổ chức được giao giáo dục, quản lý sau khi nhận được quyết định áp dụng biện pháp này có trách nhiệm: Tổ chức việc thực hiện biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người được giáo dục; Phân công người trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục; Ghi sổ theo dõi và định kỳ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về việc thực hiện quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn; Giúp đỡ, động viên người được giáo dục, đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp xã tạo điều kiện cho họ tìm kiếm việc làm.

Người được phân công giúp đỡ phải có kế hoạch quản lý, giáo dục, giúp đỡ người được giáo dục và được hưởng khoản kinh phí hỗ trợ cho việc quản lý, giáo dục, giúp đỡ theo quy định của pháp luật. Đây là một điểm mới của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 so với Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) trước đây trong quy định về biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn khi có quy định về kinh phí cho hỗ trợ người được phân công giúp đỡ. Quy định này là cơ sở pháp lý để có những kinh phí hỗ trợ người đứng ra giúp đỡ những người được giáo dục, là điều kiện đảm bảo cho việc thi hành pháp luật.

Bên cạnh đó, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 cũng quy định về trách nhiệm của người được giáo dục và gia đình của người này trong việc thực hiện quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Theo đó, người được giáo dục phải cam kết bằng văn bản về việc chấp hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn trong khi gia đình có người được giáo dục có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với người được phân công giúp đỡ trong việc quản lý, giáo dục người được giáo dục.

Ngày 30-9-2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 111/2013/NĐ-CP quy định về chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Câu hỏi 90: Thi hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 110 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, trách nhiệm thi hành quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính nêu trên thuộc về cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị.

Trong vòng 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính nêu trên, Công an cấp huyện chịu trách nhiệm đưa người phải chấp hành quyết định vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Công an cấp huyện đưa người phải chấp hành quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Thời hạn chấp hành quyết định được tính từ ngày người phải chấp hành quyết định bị tạm giữ để đưa đi trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 giao trách nhiệm cho Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Câu hỏi 91: Pháp luật hiện hành có quy định như thế nào về việc hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc?

Trả lời:

Điều 111 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định về việc hoãn, miễn chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc. Các trường hợp hoãn và miễn thi hành quyết định áp dụng các biện pháp trên được quy định là áp dụng đối với người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Các trường hợp được hoãn chấp hành quyết định gồm: Đang ốm nặng có chứng nhận của bệnh viện; Gia đình đang có khó khăn đặc biệt được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận. Tuy nhiên, hoãn chấp hành quyết định không có nghĩa người phải chấp hành không phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính với mình, sau khi không còn lý do để hoãn việc chấp hành quyết định thì người đó phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Các trường hợp được miễn chấp hành quyết

định gồm: Mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của bệnh viện; Trong thời gian hoãn chấp hành quyết định quy định tại khoản 1 Điều 111 nêu trên mà người đó có tiến bộ rõ rệt trong việc chấp hành pháp luật hoặc lập công hoặc không còn nghiện ma túy; Đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện.

Thẩm quyền xem xét và quyết định việc hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thuộc về tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ban hành quyết định. Việc xem xét quyết định hoãn, miễn chấp hành được tòa án thực hiện trên cơ sở đơn đề nghị của người phải chấp hành quyết định hoặc người đại diện hợp pháp của họ; trong trường hợp cần thiết thì đề nghị cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị có ý kiến trước khi quyết định.

Quyết định miễn hoặc hoãn chấp hành phải được gửi cho cơ quan thi hành quyết định, người phải chấp hành quyết định; trường hợp người chưa thành niên được hoãn, miễn chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng thì quyết định được gửi cho cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ.

Câu hỏi 92: Pháp luật hiện hành có quy định giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn

**chấp hành phần thời gian còn lại tại trường
giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở
cai nghiện bắt buộc không?**

Trả lời:

Kế thừa Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008), Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có quy định về các trường hợp giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại của biện pháp xử lý hành chính (không áp dụng đối với biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn). Điều 112 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định nội dung này, cụ thể:

Khoản 1 quy định về các trường hợp giảm thời hạn: người đang chấp hành quyết định tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc đã chấp hành một nửa thời hạn, nếu có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công, thì được xét giảm một phần hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

Khoản 2 quy định về các trường hợp tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc: trường hợp người đang chấp hành quyết định tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc bị ốm nặng mà được đưa về gia đình điều trị thì

được tạm đình chỉ chấp hành quyết định; thời gian điều trị được tính vào thời hạn chấp hành quyết định; nếu sau khi sức khỏe được phục hồi mà thời hạn chấp hành còn lại từ 03 tháng trở lên thì người đó phải tiếp tục chấp hành; nếu trong thời gian tạm đình chỉ mà người đó có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại. Đối với người mắc bệnh hiểm nghèo, phụ nữ mang thai thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

Thẩm quyền quyết định việc giảm thời hạn, hoãn hoặc miễn chấp hành phần còn lại thời gian tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc thuộc về tòa án nhân dân cấp huyện nơi các đơn vị nêu trên có trụ sở. Khi có các trường hợp thuộc diện giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần còn lại quyết định xử lý hành chính, hiệu trưởng trường giáo dưỡng, giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc, giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc đề nghị Tòa án xem xét quyết định. Quyết định tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được gửi cho các tổ chức, cá nhân sau: Tòa án nhân dân nơi ra quyết định, cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú, trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc,

cơ sở cai nghiện bắt buộc, người được tạm đình chỉ hoặc miễn và gia đình người đó.

Pháp luật cũng dự liệu trường hợp những đối tượng ốm nặng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo và không thể xác định được nơi cư trú thuộc trường hợp được tạm đình chỉ chấp hành quyết định hoặc được miễn chấp hành phần thời gian còn lại quy định tại khoản 2 Điều 112 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì được đưa về cơ sở y tế tại địa phương nơi trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc đóng trụ sở để điều trị.

Câu hỏi 93: Theo quy định của pháp luật hiện hành, có những biện pháp nào để quản lý người được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc?

Trả lời:

Người phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng được cho hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành phải chịu sự quản lý theo quy định tại Điều 113 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, cụ thể:

1. Người được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm trình diện với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi họ cư trú.

2. Trong thời gian được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc mà người đó tiếp tục có hành vi vi phạm đã bị xử lý hoặc có căn cứ cho rằng người đó bỏ trốn thì Tòa án nhân dân cấp huyện đã ra quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ hủy bỏ quyết định đó và ra quyết định buộc chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Trong thời gian được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc mà người đó tiếp tục sử dụng ma túy hoặc có căn cứ cho rằng người đó bỏ trốn thì Tòa án nhân dân cấp huyện đã ra quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ hủy bỏ quyết định đó và ra quyết định buộc chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Quyết định buộc chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được gửi cho cơ quan Công an cùng cấp nơi Tòa án đã ra quyết định. Ngay sau khi nhận được quyết định, cơ quan Công an phải tổ chức áp giải đối tượng.

Đây là quy định mới của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 so với Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính trước đây. Pháp lệnh trước đây không quy định về những biện pháp quản lý đối với người được hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành quyết định xử lý hành chính khác. Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã quy định cụ thể về việc bắt buộc trình diện và việc hủy quyết định hoãn, tạm đình chỉ chấp hành quyết định và ban hành quyết định buộc chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người vi phạm trong thời gian được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành quyết định nêu trên.

Câu hỏi 94: Người đã chấp hành xong quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính được xử lý theo cơ chế như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 114, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì, đối với những người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thì sau khi chấp hành xong thời hạn sẽ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy chứng nhận cho người đã chấp hành

xong. Bản chính giấy chứng nhận này gửi cho người đã chấp hành xong và bản sao gửi cho gia đình người đó.

Đối với những người bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì tương tự sau khi chấp hành xong cũng được cấp giấy chứng nhận. Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc, giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc cấp giấy chứng nhận cho người đã chấp hành xong và gửi bản sao cho gia đình người đó, Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định, cơ quan quản lý trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

Trong trường hợp đối tượng không xác định được nơi cư trú là người chưa thành niên hoặc người ốm yếu không còn khả năng lao động thì sau khi hết hạn chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được đưa về cơ sở bảo trợ xã hội tại địa phương nơi trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc đóng trụ sở.

Câu hỏi 95: Trong thực tế, có những người đang phải chấp hành biện pháp đưa

vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, nhưng lại bị yêu cầu tham gia quá trình tiến hành tố tụng hình sự do có liên quan thì xử lý như thế nào?

Trả lời:

Điều 115 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định: Theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền, hiệu trưởng trường giáo dưỡng, giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc, giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định tạm thời đưa người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính ra khỏi nơi chấp hành biện pháp đó để tham gia tố tụng trong các vụ án có liên quan đến người đó. Thời gian tạm thời đưa ra khỏi nơi chấp hành biện pháp xử lý hành chính được tính vào thời hạn chấp hành biện pháp đó.

Như vậy những người đang phải chấp hành các biện pháp xử lý hành chính này nếu đồng thời liên quan đến quá trình điều tra, truy tố, xét xử một vụ án hình sự thì theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng sẽ được tạm thời đưa ra khỏi nơi chấp hành biện pháp xử lý hành chính để tham gia quá trình tố tụng hình sự. Việc này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người phải chấp hành biện pháp xử lý hành chính khi

thời gian tham gia đưa ra khỏi nơi chấp hành để tham gia tố tụng được tính vào thời gian chấp hành biện pháp xử lý hành chính.

Câu hỏi 96: Đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính có dấu hiệu tội phạm thì xử lý như thế nào?

Trả lời:

Trước đây, Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) đã quy định về trường hợp này tại Điều 111; hiện nay Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 kế thừa gần như toàn bộ tinh thần và nội dung của quy định trước đây và quy định tại Điều 116 của Luật này, theo đó:

- Trong quá trình xem xét hồ sơ của đối tượng để quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, nếu xét thấy hành vi vi phạm của người đó có dấu hiệu tội phạm thì người có thẩm quyền phải chuyển ngay hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền.

- Đối với trường hợp đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, nếu sau đó phát hiện hành vi vi phạm của người bị áp dụng biện pháp này có dấu hiệu tội phạm mà chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc Tòa án nhân dân

đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính phải huỷ quyết định đó và trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày huỷ quyết định phải chuyển hồ sơ của đối tượng cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền.

- Trong trường hợp bị Toà án xử phạt tù thì thời hạn đối tượng đã chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được tính vào thời hạn chấp hành hình phạt tù; 1,5 ngày chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được tính bằng 01 ngày chấp hành hình phạt tù.

So với quy định của Pháp lệnh trước đây, thì theo Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thời gian quy đổi giữa biện pháp xử lý hành chính điều chỉnh theo hướng có lợi hơn cho người bị áp dụng. Trước đây theo pháp lệnh cũ, 02 ngày chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục, đưa vào cơ sở chữa bệnh được quy đổi bằng 01 ngày chấp hành hình phạt tù, hiện nay, theo Luật mới thì tỷ lệ quy đổi này được giảm xuống 1,5 ngày chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được quy đổi bằng 01 ngày chấp hành hình phạt tù.

Câu hỏi 97: Việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội được thực hiện trước hoặc trong thời gian chấp hành biện pháp xử lý hành chính được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 117 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì, trường hợp phát hiện người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đã thực hiện hành vi phạm tội trước hoặc trong thời gian chấp hành quyết định, thì theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc hiệu trưởng trường giáo dưỡng, giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc, giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc phải ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định đối với người đó và chuyển hồ sơ của đối tượng cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự; trường hợp bị Tòa án xử phạt tù thì người đó được miễn chấp hành phần thời gian còn lại trong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính; nếu hình phạt được áp dụng không phải là hình phạt tù thì người đó có thể phải tiếp tục chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Câu hỏi 98: Trường hợp một người vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì xử lý như thế nào?

Trả lời:

Điều 118 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 dự liệu và đưa ra quy định về trường hợp người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật đồng thời thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Trường hợp người nghiện ma túy thuộc loại côn đồ hung hãn thì áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Cơ sở giáo dục bắt buộc thực hiện việc cai nghiện cho đối tượng này.

Trong giai đoạn cắt cơn, phục hồi, đối tượng đang chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc nếu có hành vi vi phạm các quy định tại Điều 94 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Trong trường hợp này Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc tiến hành lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với đối tượng này trên cơ sở hồ sơ hiện có và biên bản về hành vi vi phạm mới gửi Trưởng Công an cấp

huyện nơi có cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trưởng Công an cấp huyện có trách nhiệm lấy ý kiến của Trưởng phòng Tư pháp về tính pháp lý của hồ sơ trước khi xem xét, gửi hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân nơi có cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Thủ tục xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với các đối tượng này thực hiện theo quy định của pháp luật tại các Điều 101, 102 Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn.

Câu hỏi 99: Pháp luật xử lý vi phạm hành chính hiện hành quy định về các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính như thế nào?

Trả lời:

Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính được hiểu là các biện pháp mang tính hành chính được áp dụng bởi người có thẩm quyền với mục đích ngăn chặn kịp thời vi phạm hành chính hoặc để bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính. Điều 119 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định về 9 biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính, cụ thể gồm:

1. Tạm giữ người;
2. Áp giải người vi phạm;
3. Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề;
4. Khám người;
5. Khám phương tiện vận tải, đồ vật;
6. Khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
7. Quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trục xuất;
8. Giao cho gia đình, tổ chức quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính;
9. Truy tìm đối tượng phải chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong trường hợp bỏ trốn.

So với quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) thì các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính theo Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có 2 biện pháp mới và bãi bỏ 1 biện pháp. Theo đó, biện pháp bảo lãnh hành chính bị loại bỏ và bổ sung biện pháp áp giải người vi phạm và biện pháp giao cho gia đình, tổ chức quản lý người bị đề nghị áp dụng

biện pháp xử lý hành chính trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

***Câu hỏi 100:* Nguyên tắc áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính được pháp luật hiện hành quy định như thế nào?**

Trả lời:

Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính sẽ xâm hại trực tiếp các quyền cơ bản được pháp luật bảo vệ của người bị áp dụng, do đó việc áp dụng các biện pháp này không được sử dụng tùy tiện mà phải tuân theo những nguyên tắc luật định. Điều 120 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đưa ra các nguyên tắc áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính.

Các nguyên tắc được quy định như sau:

Thứ nhất, khi áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính, người có thẩm quyền phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định tại các điều từ Điều 120 đến Điều 132 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, nếu vi phạm thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, chỉ áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính trong trường hợp cần thiết theo quy định tại Chương II của

Phần thứ tư về thẩm quyền, thủ tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính trong Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Thứ ba, người ra quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính phải chịu trách nhiệm đối với quyết định của mình.

Thứ tư, việc sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính phải được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Việc quy định riêng biệt các nguyên tắc áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính thành một điều luật độc lập là một điểm mới. Pháp lệnh trước đây chỉ có quy định chung về nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính mà không quy định về nguyên tắc áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính. Quy định này một lần nữa thể hiện tinh thần tôn trọng và bảo vệ nhân quyền của pháp luật Việt Nam. Nguyên tắc còn quy định vấn đề chịu trách nhiệm của người ra quyết định đối với quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính do mình ban hành nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm và bảo đảm cho các biện pháp này không bị sử dụng tùy tiện mà phải được cân nhắc thận trọng.

Câu hỏi 101: Pháp luật hiện hành quy định trong trường hợp nào thì huỷ bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính?

Trả lời:

Điều 121 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định các trường hợp huỷ bỏ hoặc thay thế các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính. Cụ thể, trong trường hợp việc áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính không còn phù hợp với mục đích và điều kiện áp dụng theo quy định của Luật này thì quyết định áp dụng biện pháp đó phải được huỷ bỏ. Việc quyết định huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn khi thấy không còn cần thiết hoặc thay thế bằng một biện pháp ngăn chặn khác phải được thực hiện bởi chính người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính.

Câu hỏi 102: Tạm giữ người theo thủ tục hành chính được pháp luật hiện hành quy định như thế nào?

Trả lời:

Tạm giữ người là một trong 9 biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính và

được quy định tại Điều 122 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính ảnh hưởng trực tiếp đến quyền tự do đi lại của công dân nên được quy định chặt chẽ và cụ thể như sau:

1. Việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính chỉ được áp dụng trong trường hợp cần ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích cho người khác.

2. Mọi trường hợp tạm giữ người đều phải có quyết định bằng văn bản và phải giao cho người bị tạm giữ một bản.

3. Thời hạn tạm giữ người theo thủ tục hành chính không được quá 12 giờ; trong trường hợp cần thiết, thời hạn tạm giữ có thể kéo dài hơn nhưng không được quá 24 giờ, kể từ thời điểm bắt đầu giữ người vi phạm.

Đối với người vi phạm quy chế biên giới hoặc vi phạm hành chính ở vùng rừng núi xa xôi, hẻo lánh, hải đảo thì thời hạn tạm giữ có thể kéo dài hơn nhưng không được quá 48 giờ, kể từ thời điểm bắt đầu giữ người vi phạm.

Đối với người bị tạm giữ trên tàu bay, tàu biển thì phải chuyển ngay cho cơ quan có thẩm quyền khi tàu bay đến sân bay, tàu biển cập cảng.

4. Theo yêu cầu của người bị tạm giữ, người ra quyết định tạm giữ phải thông báo cho gia đình, tổ chức nơi làm việc hoặc học tập của họ

biết. Trong trường hợp tạm giữ người chưa thành niên vi phạm hành chính vào ban đêm hoặc giữ trên 06 giờ, thì người ra quyết định tạm giữ phải thông báo ngay cho cha mẹ hoặc người giám hộ của họ biết.

5. Nơi tạm giữ người theo thủ tục hành chính là nhà tạm giữ hành chính hoặc buồng tạm giữ hành chính được bố trí tại trụ sở cơ quan, đơn vị nơi làm việc của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ người vi phạm hành chính. Trường hợp không có nhà tạm giữ hành chính hoặc buồng tạm giữ hành chính thì tạm giữ tại phòng trực ban hoặc phòng khác tại nơi làm việc, nhưng phải bảo đảm các quy định chung.

Cơ quan có chức năng phòng, chống vi phạm pháp luật mà thường xuyên phải tạm giữ người vi phạm hành chính cần bố trí, thiết kế, xây dựng nhà tạm giữ hành chính hoặc buồng tạm giữ hành chính riêng, trong đó cần có nơi tạm giữ riêng cho người chưa thành niên, phụ nữ hoặc người nước ngoài và phải có cán bộ chuyên trách quản lý, bảo vệ.

Đối với tàu bay, tàu biển, tàu hỏa khi đã rời sân bay, bến cảng, nhà ga thì tùy theo điều kiện và đối tượng vi phạm cụ thể, người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu quyết định nơi tạm giữ và phân công người thực hiện việc tạm giữ.

6. Nghiêm cấm việc giữ người vi phạm hành chính trong các phòng tạm giữ, phòng tạm giam hình sự hoặc những nơi không bảo đảm vệ sinh, an toàn cho người bị tạm giữ.

7. Chính phủ quy định việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính.

Điểm mới của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 là quy định về việc tạm giữ người trên tàu bay, tàu biển và quy định về nơi tạm giữ người theo thủ tục hành chính.

Câu hỏi 103: Những người nào có thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 123 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, trong trường hợp có hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích cho người khác quy định tại khoản 1 Điều 122 Luật này, thì những người sau đây có quyền quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng Công an phường;

b) Trưởng Công an cấp huyện;

c) Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát trật tự, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy,

Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh của Công an cấp tỉnh; Trưởng phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường;

d) Thủ trưởng đơn vị cảnh sát cơ động từ cấp đại đội trở lên, Trạm trưởng Trạm công an cửa khẩu;

đ) Hạt trưởng Hạt kiểm lâm, Đội trưởng Đội kiểm lâm cơ động;

e) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu và Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển thuộc Cục điều tra chống buôn lậu Tổng cục hải quan;

g) Đội trưởng Đội quản lý thị trường;

h) Chỉ huy trưởng Tiểu khu biên phòng, Chỉ huy trưởng biên phòng Cửa khẩu cảng, Chỉ huy trưởng Hải đoàn biên phòng, Chỉ huy trưởng Hải đội biên phòng, Trưởng đồn biên phòng và Thủ trưởng đơn vị bộ đội biên phòng đóng ở biên giới, hải đảo;

i) Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển, Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển, Chỉ huy trưởng Vùng Cảnh sát biển;

k) Người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu khi tàu bay, tàu biển, tàu hỏa đã rời sân bay, bến cảng, nhà ga;

l) Thẩm phán chủ tọa phiên tòa.

Điều luật cũng có quy định dự liệu trường hợp người có thẩm quyền tạm giữ người quy định tại các điểm từ a đến i khoản 1 Điều 123 nêu trên có thể giao quyền cho cấp phó của mình khi cấp trưởng vắng mặt. Việc giao quyền phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn được giao quyền. Cấp phó được giao quyền phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước cấp trưởng và trước pháp luật. Người được giao quyền không được giao quyền, ủy quyền cho bất kỳ cá nhân nào khác.

Quy định về thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính hiện nay kế thừa hầu như toàn bộ quy định tương tự của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính trước đây. Tuy nhiên có bổ sung thêm thẩm quyền cho một số chủ thể như thẩm phán chủ tọa phiên tòa, trưởng tàu hỏa, chỉ huy trưởng vùng cảnh sát biển, chỉ huy trưởng biên phòng Cửa khẩu cảng.

Câu hỏi 104: Phần các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có những nội dung và điểm mới như thế nào?

Trả lời:

Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định 9 biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính. Trong 9 biện pháp, thì biện pháp áp giải người vi phạm là biện pháp mới được bổ sung (Điều 124); biện pháp giao cho gia đình, tổ chức quản lý người đang trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính được thay đổi tên gọi từ biện pháp bảo lãnh hành chính (Điều 131).

So với Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) các quy định về biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính trong Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có sự thay đổi khá lớn về điều kiện, thẩm quyền... áp dụng một số biện pháp ngăn chặn để hạn chế tối đa việc áp dụng các biện pháp liên quan đến nhân thân, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức vi phạm và bảo đảm tính khả thi của quy định trên thực tiễn; quy định chặt chẽ các điều kiện áp dụng các biện pháp ngăn chặn như đối với biện pháp tạm giữ người (Điều 122 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012) chỉ tạm giữ trong trường hợp cần ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích cho người khác (Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) quy

định cả trong trường hợp cần thu thập, xác minh những tình tiết quan trọng làm căn cứ để quyết định xử lý vi phạm hành chính); đối với biện pháp tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề (Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012) chỉ áp dụng trong trường hợp để xác minh tình tiết mà nếu không tạm giữ thì không có căn cứ ra quyết định xử phạt hoặc để ngăn chặn ngay hành vi vi phạm hành chính mà nếu không tạm giữ thì sẽ gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội và để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt trong trường hợp chỉ áp dụng hình thức xử phạt tiền; trường hợp bị tạm giữ phương tiện giao thông để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt, nếu đáp ứng các điều kiện quy định thì cá nhân, tổ chức vi phạm có thể tự tạm giữ phương tiện dưới sự quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền...

Bên cạnh đó, Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định một số nội dung mới về xử lý tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính, cụ thể, đối với tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thì trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp. Trong trường hợp này, cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương trị

giá tang vật, phương tiện vi phạm vào ngân sách nhà nước. Trường hợp chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp có lỗi trong việc để người vi phạm sử dụng tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thì có thể bị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Câu hỏi 105: Biện pháp áp giải người vi phạm hành chính được pháp luật hiện hành quy định như thế nào?

Trả lời:

Áp giải người vi phạm là biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm pháp lý được áp dụng khi người vi phạm không tự nguyện chấp hành yêu cầu của người có thẩm quyền. Điều 124 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định các trường hợp áp dụng biện pháp áp giải người vi phạm:

- Bị tạm giữ người theo thủ tục hành chính;
- Đưa trở lại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại khoản 2 Điều 132 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Người có thẩm quyền đang thi hành công vụ thực hiện việc áp giải người vi phạm. Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 giao trách nhiệm cho Chính phủ quy định chi tiết việc áp giải người vi phạm.

Câu hỏi 106: Biện pháp tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính được pháp luật hiện hành quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 biện pháp tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính chỉ được áp dụng trong trường hợp thật cần thiết sau đây: i) Để xác minh tình tiết mà nếu không tạm giữ thì không có căn cứ ra quyết định xử phạt. Trường hợp tạm giữ để định giá tang vật vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt thì áp dụng quy định của khoản 3 Điều 60 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; ii) Để ngăn chặn ngay hành vi vi phạm hành chính mà nếu không tạm giữ thì sẽ gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội; iii) Để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt theo quy định tại khoản 6 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Việc tạm giữ tang vật, phương tiện được quy định tại khoản 1 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 phải được chấm dứt ngay sau khi xác minh được tình tiết làm căn cứ quyết định xử phạt, hành vi vi phạm không còn gây

nguy hiểm cho xã hội hoặc quyết định xử phạt được thi hành.

Trường hợp được nộp tiền phạt nhiều lần theo quy định tại Điều 79 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sau khi nộp tiền phạt lần đầu thì người vi phạm được nhận lại tang vật, phương tiện bị tạm giữ.

Người có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quy định tại Chương II Phần thứ hai Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

Trong trường hợp có căn cứ để cho rằng nếu không tạm giữ ngay thì tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tẩu tán, tiêu hủy thì thủ trưởng trực tiếp của chiến sĩ cảnh sát nhân dân, cảnh sát viên cảnh sát biển, bộ đội biên phòng, kiểm lâm viên, công chức hải quan, kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ phải tạm giữ ngay tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi lập biên bản, người lập biên bản phải báo cáo thủ trưởng của mình là người có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính để xem xét ra quyết định tạm giữ; đối với trường hợp tang vật là hàng hóa dễ hư hỏng thì người tạm giữ phải báo cáo ngay thủ trưởng trực tiếp để

xử lý, nếu để hư hỏng hoặc thất thoát thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp không ra quyết định tạm giữ thì phải trả lại ngay tang vật, phương tiện đã bị tạm giữ.

Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thì có thể bị tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt. Việc tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong thời gian chờ ra quyết định không làm ảnh hưởng quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề của cá nhân, tổ chức đó.

Câu hỏi 107: Việc bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ phải thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Khoản 5 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có trách nhiệm bảo quản tang vật, phương tiện đó. Trong trường hợp tang vật, phương tiện bị mất, bán, đánh tráo hoặc hư hỏng, mất linh kiện, thay thế thì người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện phải chịu trách nhiệm bồi thường và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp tang vật, phương tiện bị tạm giữ phải được niêm phong thì phải tiến hành ngay trước mặt người vi phạm; nếu người vi phạm vắng mặt thì phải tiến hành niêm phong trước mặt đại diện gia đình, đại diện tổ chức, đại diện chính quyền và người chứng kiến.

Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phải có quyết định bằng văn bản kèm theo biên bản tạm giữ và phải giao cho người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm 01 bản.

Đối với phương tiện giao thông vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tạm giữ để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu tổ chức, cá nhân vi phạm có địa chỉ rõ ràng, có điều kiện bến bãi, bảo quản phương tiện hoặc khả năng tài chính đặt tiền bảo lãnh thì có thể được giữ phương tiện vi phạm dưới sự quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 115/2013/NĐ-CP ngày 03-10-2013 quy định cụ thể về vấn đề này.

Câu hỏi 108: Thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề được quy định như thế nào?

Trả lời:

Khoản 8 Điều 125 quy định về thời hạn tạm

giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề. Theo đó, thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề là 07 ngày, kể từ ngày tạm giữ. Thời hạn tạm giữ có thể được kéo dài đối với những vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp, cần tiến hành xác minh nhưng tối đa không quá 30 ngày, kể từ ngày tạm giữ tang vật, giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

Đối với vụ việc thuộc trường hợp vụ việc đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp (đoạn 2 khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012) mà cần có thêm thời gian để xác minh thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản để xin gia hạn việc tạm giữ; việc gia hạn phải bằng văn bản, thời hạn gia hạn không được quá 30 ngày.

Thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề được tính từ thời điểm tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ thực tế.

Thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề không vượt quá thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Câu hỏi 109: Pháp luật quy định về xử lý tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính như thế nào?

Trả lời:

Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định về việc xử lý tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính. Theo đó, tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ phải được xử lý theo biện pháp ghi trong quyết định xử phạt bởi người ra quyết định hoặc trả lại cho cá nhân, tổ chức nếu không áp dụng hình thức phạt tịch thu đối với tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

Đối với tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu thì trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp. Trong trường hợp này, cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm vào ngân sách nhà nước.

Trường hợp chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp có lỗi cố ý trong việc để người vi phạm sử dụng tang vật, phương tiện vi

phạm hành chính thì tang vật, phương tiện đó bị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 26 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Đối với tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt trong trường hợp tạm giữ để bảo đảm người vi phạm hành chính thi hành quyết định phạt tiền thì ngay sau khi người vi phạm thi hành xong quyết định xử phạt phải trả ngay cho họ.

Đối với tang vật vi phạm hành chính là hàng hoá, vật phẩm dễ bị hư hỏng thì người ra quyết định tạm giữ phải tổ chức bán ngay theo giá thị trường và việc bán phải được lập thành biên bản. Tiền thu được phải gửi vào tài khoản tạm gửi mở tại Kho bạc Nhà nước. Nếu sau đó theo quyết định của người có thẩm quyền, tang vật đó bị tịch thu thì tiền thu được phải nộp vào ngân sách nhà nước; trường hợp tang vật đó không bị tịch thu thì tiền thu được phải trả cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp.

Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quá thời hạn tạm giữ nếu người vi phạm không đến nhận mà không có lý do chính đáng hoặc trường hợp không xác định được người vi phạm thì người ra quyết định tạm giữ phải thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng

và niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan của người có thẩm quyền tạm giữ; trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo, niêm yết công khai, nếu người vi phạm không đến nhận thì người có thẩm quyền phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 82 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hoá phẩm độc hại thì phải tiến hành tiêu hủy theo quy định tại Điều 33 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Đối với các chất ma túy và những vật thuộc loại cấm lưu hành thì tịch thu hoặc tiêu hủy theo quy định tại Điều 33 và Điều 82 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Người có tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ chỉ phải trả chi phí lưu kho, phí bến bãi, phí bảo quản tang vật, phương tiện và các khoản chi phí khác trong thời gian tang vật, phương tiện bị tạm giữ theo quy định tại khoản 8 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Không thu phí lưu kho, phí bến bãi và phí bảo quản trong thời gian tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ nếu chủ tang vật, phương tiện không có lỗi trong việc vi phạm

hành chính hoặc áp dụng biện pháp tịch thu đối với tang vật, phương tiện. Chính phủ quy định chi tiết về mức phí tạm giữ tang vật, phương tiện.

Câu hỏi 110: Khám người theo thủ tục hành chính được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 127 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định: việc khám người theo thủ tục hành chính chỉ được tiến hành khi có căn cứ cho rằng người đó cất giấu trong người đồ vật, tài liệu, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính. So với quy định trước đây thì quy định Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 về nội dung của biện pháp này không thay đổi mà chỉ thay đổi tên biện pháp từ biện pháp khám người (theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính) thành biện pháp khám người theo thủ tục hành chính. Việc khám người xâm hại tới quyền tự do thân thể của người vi phạm. Do đó, việc khám người được Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định khá chi tiết.

Về thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp khám người: những người được quy định tại khoản 1 Điều 123 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có quyền quyết định khám người theo thủ tục hành chính. Trong trường hợp có căn cứ

để cho rằng nếu không tiến hành khám ngay thì đồ vật, tài liệu, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính bị tẩu tán, tiêu hủy, thì ngoài những người được quy định tại khoản 1 Điều 123 nêu trên, chiến sĩ Cảnh sát nhân dân, Cảnh sát viên Cảnh sát biển, chiến sĩ Bộ đội biên phòng, Kiểm lâm viên, công chức Hải quan, Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ được khám người theo thủ tục hành chính và báo cáo ngay bằng văn bản cho thủ trưởng của mình là một trong những người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 123 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khám người.

Thủ tục khám người được thực hiện như sau: Việc khám người phải có quyết định bằng văn bản, trừ trường hợp cần khám ngay. Trước khi tiến hành khám người, người khám phải thông báo quyết định cho người bị khám biết. Khi khám người, nam khám nam, nữ khám nữ và phải có người cùng giới chứng kiến. Việc khám người trong mọi trường hợp đều phải lập biên bản. Quyết định khám người và biên bản khám người phải được giao cho người bị khám 01 bản.

Câu hỏi 111: Khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính là biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính được quy định tại Điều 128 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Biện pháp này chỉ được tiến hành khi có căn cứ cho rằng trong phương tiện vận tải, đồ vật đó có cất giấu tang vật vi phạm hành chính.

Thẩm quyền khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính thuộc về những người được quy định tại khoản 1 Điều 123 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Trong trường hợp có căn cứ để cho rằng nếu không tiến hành khám ngay thì tang vật vi phạm hành chính sẽ bị tẩu tán, tiêu hủy, thì ngoài những người có thẩm quyền nêu trên, chiến sĩ Cảnh sát nhân dân, Cảnh sát viên cảnh sát biển, chiến sĩ Bộ đội biên phòng, Kiểm lâm viên, công chức thuế, công chức Hải quan, Kiểm soát viên thị trường, thanh tra viên đang thi hành công vụ được khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính và phải báo cáo ngay cho thủ trưởng trực tiếp của mình và phải chịu trách nhiệm về việc khám.

Việc khám phương tiện vận tải, đồ vật phải có quyết định bằng văn bản, trừ trường hợp tang vật vi phạm có khả năng bị tẩu tán, tiêu hủy. Đây là quy định mới của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 so với Pháp lệnh năm 2002 (sửa

đổi, bổ sung năm 2007, 2008) trước đây. Quy định như vậy sẽ hạn chế tối đa việc áp dụng biện pháp này bừa bãi gây ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của cá nhân, tổ chức và bảo đảm biện pháp khám phương tiện vận tải, đồ vật khi được thực hiện là hoàn toàn dựa trên cân nhắc, tính toán của người có thẩm quyền.

Vào thời điểm tiến hành khám phương tiện vận tải, đồ vật phải có mặt chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vận tải và 01 người chứng kiến; trong trường hợp chủ phương tiện, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vắng mặt thì phải có 02 người chứng kiến.

Mọi trường hợp khám phương tiện vận tải, đồ vật đều phải lập biên bản. Quyết định khám và biên bản phải giao cho chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vận tải 01 bản.

Câu hỏi 112: Pháp luật hiện hành quy định như thế nào về biện pháp khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính?

Trả lời:

Khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là biện pháp được kế thừa từ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002

(sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) và chỉ được tiến hành khi có căn cứ cho rằng ở nơi đó có cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Biện pháp này được quy định cụ thể tại Điều 129 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Theo đó:

Những người được quy định tại khoản 1 Điều 123 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có quyền quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; trong trường hợp nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là chỗ ở thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

Khi khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phải có mặt người chủ nơi bị khám hoặc người thành niên trong gia đình họ và người chứng kiến. Trong trường hợp người chủ nơi bị khám, người thành niên trong gia đình họ vắng mặt mà việc khám không thể trì hoãn thì phải có đại diện chính quyền và 02 người chứng kiến.

Không được khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính vào ban đêm, trừ trường hợp khẩn cấp hoặc việc khám đang được thực hiện mà chưa kết thúc nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản.

Mọi trường hợp khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phải có quyết định bằng văn bản và phải lập biên bản. Quyết

định và biên bản khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phải được giao cho người chủ nơi bị khám 01 bản.

Biện pháp này hoàn toàn kế thừa quy định trước đây của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008).

Câu hỏi 113: Quản lý đối với người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trục xuất được quy định như thế nào?

Trả lời:

Để đảm bảo thực hiện việc trục xuất đối với người nước ngoài vi phạm pháp luật hành chính của Việt Nam và bị trục xuất thì Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định biện pháp quản lý đối với người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trục xuất. Biện pháp này được quy định cụ thể tại Điều 130 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và được áp dụng khi có căn cứ cho rằng nếu không áp dụng biện pháp này thì người đó sẽ trốn tránh hoặc cản trở việc thi hành quyết định xử phạt trục xuất hoặc để ngăn chặn người đó tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Biện pháp này từng được quy định tại Điều 51 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002

(sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) chỉ với nội dung là giao cho Chính phủ quy định. Nay, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định cụ thể trách nhiệm của Thủ trưởng Cơ quan quản lý xuất cảnh, nhập cảnh hoặc Giám đốc Công an cấp tỉnh nơi lập hồ sơ đề nghị trục xuất ra quyết định quản lý đối với người nước ngoài vi phạm pháp luật trong thời gian làm thủ tục trục xuất bằng các biện pháp sau:

- a) Hạn chế việc đi lại của người bị quản lý;
- b) Chỉ định chỗ ở của người bị quản lý;
- c) Tạm giữ hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân khác thay hộ chiếu.

Khoản 3 Điều 130 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 cũng giao trách nhiệm cho Chính phủ quy định chi tiết thêm đối với biện pháp quản lý đối với người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trục xuất Chính phủ đã ban hành Nghị định số 112/2013/NĐ-CP ngày 02-10-2013 đã hướng dẫn thi hành về vấn đề này.

Câu hỏi 114: Biện pháp giao cho gia đình, tổ chức quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính được quy định như thế nào?

Trả lời:

Biện pháp giao cho gia đình, tổ chức quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính là một biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính mới được quy định tại Điều 131 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Biện pháp này được áp dụng trong thời gian làm thủ tục xem xét, quyết định việc áp dụng các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập hồ sơ quyết định giao gia đình hoặc tổ chức xã hội quản lý người có hành vi vi phạm pháp luật thuộc đối tượng bị áp dụng các biện pháp này. Đối tượng vi phạm có nơi cư trú ổn định thì giao cho gia đình quản lý; trường hợp không có nơi cư trú ổn định thì giao cho tổ chức xã hội quản lý.

Thời hạn quản lý được tính từ khi lập hồ sơ cho đến khi người có thẩm quyền đưa đối tượng đi áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quyết định của Tòa án.

Quyết định giao cho gia đình hoặc tổ chức xã hội quản lý phải ghi rõ: ngày, tháng, năm quyết định; họ, tên, chức vụ của người quyết định; họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người

được giao quản lý hoặc tên, địa chỉ của tổ chức xã hội được giao quản lý; họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người được quản lý; lý do, thời hạn, trách nhiệm của người được quản lý, trách nhiệm của người hoặc tổ chức quản lý và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng cư trú; chữ ký của người quyết định giao quản lý. Quyết định này phải được gửi ngay cho gia đình hoặc tổ chức xã hội nhận quản lý, người được quản lý để thực hiện.

Những người chịu trách nhiệm thực hiện quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính này gồm có Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người được quản lý và gia đình, tổ chức xã hội được giao quản lý. Các khoản 5, 6 và 7 Điều 131 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định trách nhiệm của từng đối tượng trên trong việc thực hiện biện pháp này:

- Về phía gia đình, tổ chức xã hội được giao quản lý, trách nhiệm quản lý được quy định như sau: Không để người được quản lý tiếp tục vi phạm pháp luật; bảo đảm sự có mặt của người được quản lý khi có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; báo cáo kịp thời với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã ra

quyết định giao quản lý trong trường hợp người được quản lý bỏ trốn hoặc có hành vi vi phạm pháp luật.

- Về phía người được quản lý, họ có trách nhiệm như sau: Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về tạm trú, tạm vắng. Khi đi ra khỏi địa bàn xã, phường, thị trấn để ở lại địa phương khác phải thông báo cho gia đình, tổ chức xã hội được giao quản lý biết về địa chỉ, thời gian tạm trú tại đó; có mặt kịp thời tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã yêu cầu.

- Về phía Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quản lý đối tượng quy có trách nhiệm như sau: Thông báo cho gia đình, tổ chức xã hội được giao quản lý và người được quản lý về quyền và nghĩa vụ của họ trong thời gian quản lý; thực hiện các biện pháp hỗ trợ gia đình, tổ chức xã hội được giao quản lý trong việc quản lý, giám sát người được quản lý tại nơi cư trú; khi được thông báo về việc người được quản lý bỏ trốn khỏi nơi cư trú hoặc có hành vi vi phạm pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo ngay cho cơ quan Công an cấp huyện để có biện pháp xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

Chính phủ được giao nhiệm vụ quy định chi tiết Điều luật này.

Câu hỏi 115: Pháp luật hiện hành quy định về việc truy tìm đối tượng đã có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong trường hợp bỏ trốn như thế nào?

Trả lời:

Để giải quyết việc bỏ trốn của người đã bị quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc thì Điều 132 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định việc truy tìm người bỏ trốn. Cơ quan Công an cấp huyện nơi lập hồ sơ ra quyết định truy tìm đối tượng.

Đối với những trường hợp người đang chấp hành tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn thì hiệu trưởng trường giáo dưỡng, giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc và giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc ra quyết định truy tìm đối tượng. Cơ quan Công an có trách nhiệm phối hợp với trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc trong việc truy tìm đối tượng để đưa người đó trở lại trường hoặc cơ sở.

Đối với người có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng hoặc đang chấp hành quyết định tại trường giáo dưỡng, nếu khi truy tìm được mà

người đó đã đủ 18 tuổi thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện nơi có trường giáo dưỡng xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc nếu có đủ điều kiện thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Điều luật này đa phần kế thừa quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính trước đây và được bổ sung thêm quy định về thời gian bỏ trốn. Theo đó, thời gian bỏ trốn không được tính vào thời hạn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Câu hỏi 116: Pháp luật xử lý vi phạm hành chính hiện hành quy định đối với người chưa thành niên vi phạm hành chính như thế nào?

Trả lời:

Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã bổ sung hẳn một chế định về xử lý vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên. Trước đây, Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) có đề cập vấn đề này tại Điều 7 nhưng quy định còn hạn chế và tương đối sơ sài. Luật xử lý vi phạm hành

chính năm 2012 dành hẳn Phần thứ 5 cho những quy định đối với người chưa thành niên vi phạm hành chính với 02 chương và 07 điều (từ Điều 133 đến Điều 140).

Chương I là về những quy định chung về xử lý vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên, bao gồm các nội dung chính như: nguyên tắc xử lý, áp dụng các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả, áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên.

Chương II quy định về các biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên. Có hai biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính được quy định tại chương này gồm biện pháp nhắc nhở và biện pháp giáo dục tại gia đình.

Câu hỏi 117: Việc xử lý người thành niên vi phạm hành chính thực hiện theo các nguyên tắc nào?

Trả lời:

Khi xử lý người chưa thành niên vi phạm hành chính ngoài những nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính quy định tại Điều 3 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 còn phải áp dụng

nguyên tắc được quy định tại Điều 134 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 như sau:

Thứ nhất, việc xử lý người chưa thành niên vi phạm hành chính chỉ được thực hiện trong trường hợp cần thiết nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Trong quá trình xem xét xử lý người chưa thành niên vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính phải bảo đảm lợi ích tốt nhất cho người chưa thành niên. Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng chỉ được áp dụng khi xét thấy không có biện pháp xử lý khác phù hợp hơn;

Thứ hai, việc xử lý người chưa thành niên vi phạm hành chính còn căn cứ vào khả năng nhận thức của người chưa thành niên về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm, nguyên nhân và hoàn cảnh vi phạm để quyết định việc xử phạt hoặc áp dụng biện pháp xử lý hành chính phù hợp;

Thứ ba, việc áp dụng hình thức xử phạt, quyết định mức xử phạt đối với người chưa thành niên vi phạm hành chính phải nhẹ hơn so với người thành niên có cùng hành vi vi phạm hành chính. Trường hợp người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi vi phạm hành chính thì không áp dụng hình thức phạt tiền. Trường hợp người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi vi phạm hành chính bị phạt tiền thì

mức tiền phạt không quá 1/2 mức tiền phạt áp dụng đối với người thành niên; trường hợp không có tiền nộp phạt hoặc không có khả năng thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả thì cha mẹ hoặc người giám hộ phải thực hiện thay.

Thứ tư, trong quá trình xử lý người chưa thành niên vi phạm hành chính, bí mật riêng tư của người chưa thành niên phải được tôn trọng và bảo vệ;

Thứ năm, các biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính phải được xem xét áp dụng và việc áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính không được coi là đã bị xử lý vi phạm hành chính.

Tóm lại, các nguyên tắc xử lý người chưa thành niên vi phạm hành chính đều hướng tới việc giảm nhẹ hình thức, mức độ xử phạt đối với họ. Ý nghĩa quan trọng hơn cả của việc xử lý vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên chính là việc họ nhận thức được vi phạm của mình, có hướng khắc phục và sửa chữa lỗi lầm.

Câu hỏi 118: Việc áp dụng các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 135 Luật xử lý vi phạm hành chính năm

2012 quy định về các hình thức xử phạt cũng như những biện pháp khắc phục hậu quả đối với người chưa thành niên.

Theo đó, trong 5 hình thức xử phạt theo quy định tại Điều 21 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì chỉ có ba hình thức được dùng để áp dụng đối với người chưa thành niên bao gồm: Cảnh cáo; Phạt tiền; Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Hai hình thức tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn và Trục xuất không phù hợp để áp dụng đối với người chưa thành niên.

Tương tự đối với các hình thức xử phạt hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả áp dụng đối với người chưa thành niên cũng hạn chế hơn nhiều so với các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Chỉ có 4 trên tổng số 10 biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng đối với người chưa thành niên gồm: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh; Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường; văn hóa phẩm có nội dung độc hại; Buộc nộp lại khoản thu bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hoặc

buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái với quy định của pháp luật.

Do Điều 135 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 không quy định nhưng được hiểu việc áp dụng các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả vẫn được thực hiện theo các nguyên tắc tại khoản 3 Điều 21 và khoản 2 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Câu hỏi 119: Các quy định để xử lý đối với người chưa thành niên vi phạm hành chính trong Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có nội dung như thế nào?

Trả lời:

Khác với Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 ghi nhận một phần mới đưa ra những quy định đặc thù để người có thẩm quyền ưu tiên xem xét ra quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên, khi người chưa thành niên vi phạm, họ không phải chịu các chế tài xử lý vi phạm hành chính với mức độ tương tự như áp dụng đối với các hành vi vi phạm của người đã thành niên thực hiện. Nội dung phần này quy định về nguyên tắc xử lý; việc áp dụng các hình

thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả; áp dụng các biện pháp xử lý hành chính; thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên (Chương II, Phần thứ năm), trong đó, phần các biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên như các biện pháp nhắc nhở (Điều 139), quản lý tại gia đình (Điều 140) là những biện pháp hoàn toàn mới so với Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

Câu hỏi 120: Việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đối với người chưa thành niên được pháp luật hiện hành quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Phần thứ ba áp dụng các biện pháp xử lý hành chính của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, người chưa thành niên chỉ có thể bị áp dụng hai trên tổng số các biện pháp xử lý hành chính là biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng. Biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc không áp dụng đối với người chưa đủ 18 tuổi (điểm b, khoản 2 Điều 94) và Biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc chỉ áp

dụng đối với người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi (khoản 1 Điều 96).

Điều 136 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định về việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đối với người chưa thành niên, dẫn chiếu việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được áp dụng đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật theo quy định tại Chương I Phần thứ ba của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Tuy nhiên có bổ sung một số quy định như: người chưa thành niên bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải được cha mẹ hoặc người giám hộ quản lý, trường hợp không có nơi cư trú ổn định thì phải ở tại cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em; được đi học hoặc tham gia các chương trình học tập hoặc dạy nghề khác; tham gia các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống tại cộng đồng.

Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng được áp dụng đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật theo quy định tại Chương II Phần thứ ba của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và không có quy định gì thêm.

Câu hỏi 121: Thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời:

Tại Điều 137 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định như sau:

1. Người chưa thành niên được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nếu trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm.

2. Người chưa thành niên bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính nếu trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử lý hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử lý mà không tái phạm thì được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

So với quy định về thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính quy định tại Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì thời hạn này đối với người chưa thành niên được giảm xuống một nửa. Quy định này có lợi cho người vi phạm là người chưa thành niên trong việc xác định việc tái phạm làm căn cứ để coi là tình tiết tăng nặng.

Câu hỏi 122: Các biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính là gì và được pháp luật hiện hành quy định như thế nào?

Trả lời:

Các biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành

chính đối với người chưa thành niên được quy định gồm hai biện pháp: Nhắc nhở và Quản lý tại gia đình (Điều 138 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012). Các biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính không phải là biện pháp xử lý vi phạm. Do đó, người bị áp dụng không bị coi là đã từng bị xử lý vi phạm hành chính.

Hai biện pháp nhắc nhở và quản lý tại gia đình được quy định cụ thể lần lượt tại các Điều 139 và Điều 140 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 như sau:

- ***Về biện pháp nhắc nhở***, đây là biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính để chỉ ra những vi phạm do người chưa thành niên thực hiện, được thực hiện đối với người chưa thành niên vi phạm hành chính mà theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính khi có đủ hai điều kiện:

a) Vi phạm hành chính theo quy định bị phạt cảnh cáo;

b) Người chưa thành niên vi phạm đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi về hành vi vi phạm của mình.

Căn cứ quy định nêu trên thì người có thẩm quyền xử phạt quyết định áp dụng biện pháp nhắc nhở. Biện pháp nhắc nhở được thực hiện bằng lời nói, ngay tại chỗ.

- ***Về biện pháp quản lý tại gia đình***, đây là biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính

áp dụng đối với người chưa thành niên thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 90 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 khi có đủ các điều kiện:

a) Người chưa thành niên vi phạm đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi về hành vi vi phạm của mình;

b) Có môi trường sống thuận lợi cho việc thực hiện biện pháp này;

c) Cha mẹ hoặc người giám hộ có đủ điều kiện thực hiện việc quản lý và tự nguyện nhận trách nhiệm quản lý tại gia đình.

Căn cứ quy định nêu trên Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình. Thời hạn áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình từ 03 tháng đến 06 tháng. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình có hiệu lực, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã ra quyết định phải gửi quyết định cho gia đình và phân công tổ chức, cá nhân nơi người đó cư trú để phối hợp, giám sát thực hiện. Người chưa thành niên đang quản lý tại gia đình được đi học hoặc tham gia các chương trình học tập hoặc dạy nghề khác; tham gia các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống tại cộng đồng. Trong thời gian quản lý tại gia đình, nếu người chưa thành niên tiếp tục vi phạm pháp luật thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định chấm dứt việc

áp dụng biện pháp này và xử lý theo quy định của pháp luật.

Các biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính áp dụng đối với người vị thành niên phạm tội là quy định hoàn toàn mới của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Biện pháp cảnh cáo có tính chất khuyến nghị, giáo dục tại chỗ đối với người chưa thành niên vi phạm hành chính ở mức độ nhẹ (tương đương cảnh cáo) để họ nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật và rút kinh nghiệm. Biện pháp quản lý tại gia đình là biện pháp có mức độ nghiêm khắc hơn và được quy định dựa trên sự giáo dục của gia đình người chưa thành niên vi phạm pháp luật để họ sửa chữa khuyết điểm. Đây là những biện pháp mang tính chất thay thế với mức độ nhẹ hơn nhiều so với các biện pháp xử lý vi phạm hành chính chỉ áp dụng đối với người chưa thành niên. Các biện pháp này mang tính chất nhắc nhở cá nhân người vi phạm hoặc gia đình người vi phạm nhận thức được hành vi sai trái để sửa chữa.

Câu hỏi 123: Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có hiệu lực thi hành từ bao giờ?

Trả lời:

Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012

được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2012 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2013. Tuy nhiên, các quy định liên quan đến việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính do Tòa án nhân dân xem xét, quyết định gồm đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc sẽ có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được ban hành thay thế Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính số 44/2002/PL-UBTVQH10, Pháp lệnh số 31/2007/PL-UBTVQH11 sửa đổi một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh số 04/2008/UBTVQH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính. Các văn bản này hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có hiệu lực, trừ các quy định liên quan đến việc áp dụng các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục, đưa vào cơ sở chữa bệnh tiếp tục có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Điều 142 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 cũng quy định trách nhiệm của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao trong việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều khoản được giao trong Luật.

MỤC LỤC

	Trang
<i>Lời nhà xuất bản</i>	5
<i>Câu hỏi 1:</i> Những bất cập nào của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) qua hơn 10 năm thực hiện làm nền tảng cho việc xây dựng Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012?	9
<i>Câu hỏi 2:</i> Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 bao gồm những nội dung chính nào?	13
<i>Câu hỏi 3:</i> Phần Những quy định chung của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được quy định như thế nào?	14
<i>Câu hỏi 4:</i> Độ tuổi nào thì có thể bị xử phạt vi phạm hành chính? Việc lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính đối với một người 15 tuổi cố ý vi phạm hành chính có đúng theo quy định của pháp luật không?	15
<i>Câu hỏi 5:</i> Những người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân khi vi phạm hành chính thì bị xử lý như thế nào?	16
<i>Câu hỏi 6:</i> Khi nào tổ chức, cá nhân nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật Việt Nam? Các biện pháp xử lý hành chính có áp dụng đối với người nước ngoài hay không?	17
<i>Câu hỏi 7:</i> Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được quy định như thế nào?	17
	245

<i>Câu hỏi 8:</i> Một hộ kinh doanh sản xuất cách đây 6 tháng đã bị xử phạt cảnh cáo của Ủy ban nhân dân xã về vi phạm hành chính. Theo quy định của pháp luật, trong thời hạn bao lâu hộ kinh doanh này sẽ được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính?	21
<i>Câu hỏi 9:</i> Theo quy định của pháp luật, cách tính thời gian, thời hạn, thời hiệu trong xử lý vi phạm hành chính được thực hiện như thế nào?	22
<i>Câu hỏi 10:</i> Một người gây ra tai nạn giao thông nhưng do sợ hãi đã không dừng lại, bỏ trốn và không trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn. Sau đó, người này tự giác đến cơ quan Công an khai báo, tự nguyện khắc phục hậu quả và bồi thường mọi chi phí có liên quan. Trong trường hợp này, khi xem xét xử phạt vi phạm hành chính, việc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho nạn nhân có được coi là tình tiết giảm nhẹ hay không?	25
<i>Câu hỏi 11:</i> Các tình tiết tăng nặng theo Luật xử lý vi phạm hành chính là những tình tiết nào?	26
<i>Câu hỏi 12:</i> Theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, khi thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong tình thế cấp thiết thì có bị xử phạt vi phạm hành chính hay không?	28
<i>Câu hỏi 13:</i> Theo quy định của pháp luật hiện hành, những hành vi nào bị nghiêm cấm trong hoạt động xử lý vi phạm hành chính?	29
<i>Câu hỏi 14:</i> Trách nhiệm quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được quy định như thế nào?	31

<i>Câu hỏi 15:</i> Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cụ thể như thế nào trong công tác xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật hiện hành?	34
<i>Câu hỏi 16:</i> Quy định về phần xử phạt vi phạm hành chính trong Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có những điểm mới nào?	36
<i>Câu hỏi 17:</i> Cá nhân, tổ chức khi bị phát hiện thực hiện hành vi vi phạm hành chính có thể bị áp dụng các hình thức xử phạt như thế nào? Nguyên tắc áp dụng các hình thức xử phạt được thực hiện ra sao theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012?	42
<i>Câu hỏi 18:</i> Pháp luật xử lý vi phạm hành chính hiện hành quy định hình thức cảnh cáo được áp dụng trong trường hợp nào?	43
<i>Câu hỏi 19:</i> Theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, mức phạt tiền trong xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng tối thiểu và tối đa là bao nhiêu? Luật quy định cụ thể về vấn đề này như thế nào?	44
<i>Câu hỏi 20:</i> Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực cụ thể như thế nào?	45
<i>Câu hỏi 21:</i> Thế nào là tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn? Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định vấn đề này như thế nào?	48
<i>Câu hỏi 22:</i> Pháp luật xử lý vi phạm hành chính hiện hành quy định các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra như thế nào? Nguyên tắc áp dụng các biện pháp đó ra sao?	50

<i>Câu hỏi 23:</i> Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền như thế nào trong xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật?	52
<i>Câu hỏi 24:</i> Thẩm quyền của Công an nhân dân trong xử phạt vi phạm hành chính được quy định như thế nào?	53
<i>Câu hỏi 25:</i> Xin cho biết, theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Bộ đội biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hay không? Nếu có, thẩm quyền của lực lượng này được quy định cụ thể như thế nào?	58
<i>Câu hỏi 26:</i> Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hay không? Nếu có, Luật quy định cụ thể thẩm quyền của lực lượng Cảnh sát biển các cấp như thế nào?	61
<i>Câu hỏi 27:</i> Pháp luật quy định như thế nào về thẩm quyền của Hải quan trong xử phạt vi phạm hành chính?	64
<i>Câu hỏi 28:</i> Thẩm quyền của Kiểm lâm trong việc xử phạt vi phạm hành chính được quy định như thế nào?	67
<i>Câu hỏi 29:</i> Cơ quan Thuế có thẩm quyền trong việc xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?	69
<i>Câu hỏi 30:</i> Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền xử phạt vi phạm hành chính hay không? Pháp luật hiện hành quy định thẩm quyền của Quản lý thị trường như thế nào trong việc xử phạt vi phạm hành chính?	71
<i>Câu hỏi 31:</i> Pháp luật quy định thẩm quyền của thanh tra trong việc xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?	73

<i>Câu hỏi 32:</i> Theo quy định của pháp luật hiện hành thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảnh vụ hàng hải, Cảnh vụ hàng không, Cảnh vụ đường thủy nội địa được quy định cụ thể như thế nào?	77
<i>Câu hỏi 33:</i> Tòa án nhân dân có thẩm quyền như thế nào trong việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật?	79
<i>Câu hỏi 34:</i> Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền như thế nào trong việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật?	81
<i>Câu hỏi 35:</i> Cục Quản lý lao động ngoài nước có thẩm quyền như thế nào trong xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật?	83
<i>Câu hỏi 36:</i> Theo quy định của pháp luật hiện hành, Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?	83
<i>Câu hỏi 37:</i> Nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định như thế nào?	84
<i>Câu hỏi 38:</i> Theo quy định của pháp luật hiện hành, trong trường hợp nào buộc phải chấm dứt hành vi vi phạm hành chính?	87
<i>Câu hỏi 39:</i> Thế nào là xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản?	88
<i>Câu hỏi 40:</i> Trong những trường hợp nào việc xử phạt vi phạm hành chính phải lập biên bản? Hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính được pháp luật quy định như thế nào?	89

<i>Câu hỏi 41:</i> Trong quá trình rà soát, thanh tra việc thực hiện pháp luật về đất đai, Thanh tra viên của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A phát hiện doanh nghiệp B đã lấn đất để xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh nhưng không lập biên bản vi phạm hành chính. Sau đó, Chánh Thanh tra Sở đã ra quyết định xử phạt doanh nghiệp B 15 triệu đồng. Trong trường hợp này, việc làm của Thanh tra viên có đúng không?	90
<i>Câu hỏi 42:</i> Khi xem xét ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trong trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm xác minh các tình tiết gì? Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định việc xác minh này như thế nào?	92
<i>Câu hỏi 43:</i> Việc xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt được pháp luật hiện hành quy định cụ thể như thế nào?	94
<i>Câu hỏi 44:</i> Khi nào cá nhân, tổ chức vi phạm có quyền giải trình trực tiếp với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính?	97
<i>Câu hỏi 45:</i> Quá trình chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự được pháp luật quy định như thế nào?	99
<i>Câu hỏi 46:</i> Việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính được pháp luật quy định như thế nào?	101

<i>Câu hỏi 47:</i> Pháp luật quy định như thế nào về việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ trong việc phát hiện vi phạm hành chính của cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính?	102
<i>Câu hỏi 48:</i> Trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xem xét để ra quyết định xử phạt đối với hành vi đánh bạc của chị A thì nhận được tin báo chị A đã chết. Đề nghị cho biết trong trường hợp này, cơ quan có thẩm quyền có ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với chị A hay không?	103
<i>Câu hỏi 49:</i> Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính được pháp luật hiện hành quy định như thế nào?	105
<i>Câu hỏi 50:</i> Trường hợp một doanh nghiệp bị phát hiện cùng lúc có nhiều hành vi vi phạm hành chính thì cơ quan có thẩm quyền có thể xử phạt các hành vi vi phạm đó trong cùng một quyết định hay không?	107
<i>Câu hỏi 51:</i> Quyết định xử phạt vi phạm hành chính có những nội dung gì?	108
<i>Câu hỏi 52:</i> Theo quy định của pháp luật hiện hành quyết định xử phạt không lập biên bản được thực hiện như thế nào?	109
<i>Câu hỏi 53:</i> Việc gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thi hành được pháp luật quy định như thế nào? Trong trường hợp người vi phạm cố tình không nhận quyết định xử phạt phải xử lý như thế nào?	110
<i>Câu hỏi 54:</i> Việc chuyển quyết định xử phạt vi phạm hành chính được quy định như thế nào?	112

<i>Câu hỏi 55:</i> Những lĩnh vực nào phải công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng việc xử phạt đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính?	115
<i>Câu hỏi 56:</i> Khi nào một quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thi hành?	117
<i>Câu hỏi 57:</i> Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là bao lâu?	119
<i>Câu hỏi 58:</i> Theo quy định của pháp luật trong trường hợp người bị xử phạt chết, mất tích, tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản thì quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thi hành như thế nào?	120
<i>Câu hỏi 59:</i> Hoãn thi hành Quyết định phạt tiền được đặt ra khi nào?	121
<i>Câu hỏi 60:</i> Đối tượng; thủ tục giảm, miễn tiền phạt được pháp luật hiện hành quy định như thế nào?	123
<i>Câu hỏi 61:</i> Thủ tục nộp tiền phạt trong xử lý vi phạm hành chính được tiến hành như thế nào?	124
<i>Câu hỏi 62:</i> Điều kiện và thời hạn nộp tiền phạt nhiều lần được pháp lệnh hiện hành quy định như thế nào?	126
<i>Câu hỏi 63:</i> Thủ tục tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn được thực hiện như thế nào?	127
<i>Câu hỏi 64:</i> Thủ tục tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được pháp luật quy định như thế nào?	129
<i>Câu hỏi 65:</i> Cách thức, thủ tục và thời hạn xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu được pháp luật hiện hành quy định như thế nào?	131

<i>Câu hỏi 66:</i> Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, chứng từ thu, nộp tiền phạt được quản lý như thế nào?	135
<i>Câu hỏi 67:</i> Theo quy định pháp luật hiện hành, biện pháp khắc phục hậu quả trong xử lý vi phạm hành chính được thi hành như thế nào?	136
<i>Câu hỏi 68:</i> Cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đặt ra khi nào? Có những biện pháp cưỡng chế nào?	138
<i>Câu hỏi 69:</i> Theo quy định của pháp luật hiện hành chủ thể nào có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính?	139
<i>Câu hỏi 70:</i> Theo quy định của pháp luật hiện hành, quyết định cưỡng chế trong xử lý vi phạm hành chính được thi hành như thế nào?	144
<i>Câu hỏi 71:</i> Phần áp dụng các biện pháp xử lý hành chính trong Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có những nội dung và điểm mới nào?	146
<i>Câu hỏi 72:</i> Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định trong Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nhằm mục đích gì? Thời hạn áp dụng biện pháp này là bao lâu?	151
<i>Câu hỏi 73:</i> Pháp luật hiện hành về xử lý vi phạm hành chính quy định những đối tượng nào áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn?	153
<i>Câu hỏi 74:</i> Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng được pháp luật hiện hành quy định như thế nào?	155
<i>Câu hỏi 75:</i> Biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc nhằm mục đích gì? Thời hạn áp dụng biện pháp trên là bao lâu?	157

<i>Câu hỏi 76:</i> Những đối tượng nào thì áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc?	158
<i>Câu hỏi 77:</i> Biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhằm mục đích gì? Thời hạn áp dụng biện pháp này là bao lâu?	159
<i>Câu hỏi 78:</i> Pháp luật hiện hành quy định đối tượng nào áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc?	161
<i>Câu hỏi 79:</i> Thẩm quyền và thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được pháp luật hiện hành quy định như thế nào?	162
<i>Câu hỏi 80:</i> Thủ tục ban hành và nội dung của quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được pháp luật quy định như thế nào?	164
<i>Câu hỏi 81:</i> Thẩm quyền và thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng được pháp luật quy định như thế nào?	167
<i>Câu hỏi 82:</i> Thẩm quyền và thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc được pháp luật quy định như thế nào?	170
<i>Câu hỏi 83:</i> Thủ tục và thẩm quyền áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng cũng như áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc được quy định như thế nào?	173
<i>Câu hỏi 84:</i> Thẩm quyền và thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được pháp luật quy định như thế nào?	175

<i>Câu hỏi 85:</i> Theo quy định của pháp luật hiện hành thủ tục xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được thực hiện như thế nào?	179
<i>Câu hỏi 86:</i> Pháp luật quy định tổ chức, cá nhân nào có thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý hành chính?	180
<i>Câu hỏi 87:</i> Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc để thi hành được gửi đến cho những ai, cách thức như thế nào?	181
<i>Câu hỏi 88:</i> Vấn đề thời hiệu thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính được quy định như thế nào?	182
<i>Câu hỏi 89:</i> Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được tổ chức thi hành như thế nào?	183
<i>Câu hỏi 90:</i> Thi hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được quy định như thế nào?	185
<i>Câu hỏi 91:</i> Pháp luật hiện hành có quy định như thế nào về việc hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc?	186
<i>Câu hỏi 92:</i> Pháp luật hiện hành có quy định giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không?	188

<i>Câu hỏi 93:</i> Theo quy định của pháp luật hiện hành, có những biện pháp nào để quản lý người được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc?	190
<i>Câu hỏi 94:</i> Người đã chấp hành xong quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính được xử lý theo cơ chế như thế nào?	192
<i>Câu hỏi 95:</i> Trong thực tế, có những người đang phải chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, nhưng lại bị yêu cầu tham gia quá trình tiến hành tố tụng hình sự do có liên quan thì xử lý như thế nào?	194
<i>Câu hỏi 96:</i> Đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính có dấu hiệu tội phạm thì xử lý như thế nào?	195
<i>Câu hỏi 97:</i> Việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội được thực hiện trước hoặc trong thời gian chấp hành biện pháp xử lý hành chính được quy định như thế nào?	197
<i>Câu hỏi 98:</i> Trường hợp một người vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì xử lý như thế nào?	198
<i>Câu hỏi 99:</i> Pháp luật xử lý vi phạm hành chính hiện hành quy định về các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính như thế nào?	199
<i>Câu hỏi 100:</i> Nguyên tắc áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính được pháp luật hiện hành quy định như thế nào?	201

<i>Câu hỏi 101:</i> Pháp luật hiện hành quy định trong trường hợp nào thì huỷ bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính?	203
<i>Câu hỏi 102:</i> Tạm giữ người theo thủ tục hành chính được pháp luật hiện hành quy định như thế nào?	203
<i>Câu hỏi 103:</i> Những người nào có thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính?	206
<i>Câu hỏi 104:</i> Phần các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có những nội dung và điểm mới như thế nào?	208
<i>Câu hỏi 105:</i> Biện pháp áp giải người vi phạm hành chính được pháp luật hiện hành quy định như thế nào?	211
<i>Câu hỏi 106:</i> Biện pháp tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính được pháp luật hiện hành quy định như thế nào?	212
<i>Câu hỏi 107:</i> Việc bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ phải thực hiện như thế nào?	214
<i>Câu hỏi 108:</i> Thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề được quy định như thế nào?	215
<i>Câu hỏi 109:</i> Pháp luật quy định về xử lý tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính như thế nào?	217
<i>Câu hỏi 110:</i> Khám người theo thủ tục hành chính được quy định như thế nào?	220
<i>Câu hỏi 111:</i> Khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính được pháp luật quy định như thế nào?	221

<i>Câu hỏi 112:</i> Pháp luật hiện hành quy định như thế nào về biện pháp khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính?	223
<i>Câu hỏi 113:</i> Quản lý đối với người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trục xuất được quy định như thế nào?	225
<i>Câu hỏi 114:</i> Biện pháp giao cho gia đình, tổ chức quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính được quy định như thế nào?	226
<i>Câu hỏi 115:</i> Pháp luật hiện hành quy định về việc truy tìm đối tượng đã có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong trường hợp bỏ trốn như thế nào?	230
<i>Câu hỏi 116:</i> Pháp luật xử lý vi phạm hành chính hiện hành quy định đối với người chưa thành niên vi phạm hành chính như thế nào?	231
<i>Câu hỏi 117:</i> Việc xử lý người thành niên vi phạm hành chính thực hiện theo các nguyên tắc nào?	232
<i>Câu hỏi 118:</i> Việc áp dụng các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả được quy định như thế nào?	234
<i>Câu hỏi 119:</i> Các quy định để xử lý đối với người chưa thành niên vi phạm hành chính trong Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có nội dung như thế nào?	236
<i>Câu hỏi 120:</i> Việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đối với người chưa thành niên được pháp luật hiện hành quy định như thế nào?	237

<i>Câu hỏi 121:</i> Thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên được pháp luật quy định như thế nào?	238
<i>Câu hỏi 122:</i> Các biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính là gì và được pháp luật hiện hành quy định như thế nào?	239
<i>Câu hỏi 123:</i> Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có hiệu lực thi hành từ bao giờ?	242

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. NGUYỄN DUY HÙNG
Chịu trách nhiệm nội dung
PHẠM VIỆT

Biên tập nội dung: NGUYỄN TÙNG LÂM
TRẦN QUỐC THẮNG

Trình bày bìa: DƯƠNG THÁI SƠN
Chế bản: MINH ĐỨC
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: QUỐC THẮNG - TÙNG LÂM

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT - 12/86 phố Duy Tân, Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, E-mail: suthat@nxbctqg.vn, website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC

- LUẬT PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT NĂM 2012
VÀ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH
- LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
- LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

ISBN:978-604-57-0295-6



9 786045 702956